

Số: 163/2013/CV/SBT

Tây Ninh, ngày 10 tháng 04 năm 2013

V/v công bố thông tin Báo cáo thường niên  
và tài liệu họp ĐHĐCĐ 2012

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

- Căn cứ Thông tư 52/2012/TT-BTC hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Nghị quyết 15/2013/NQ-HĐQT của HĐQT Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh ngày 05/03/2013 v/v thông qua thời gian tổ chức Đại hội và chương trình ĐHĐCĐ thường niên 2012,

Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh xin được công bố thông tin về Báo cáo thường niên và tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 như sau:

### 1. Công bố thông tin Báo cáo thường niên của Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh

Toàn bộ nội dung Báo cáo thường niên được đính kèm công văn này.

### 2. Công bố thông tin tài liệu Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2012

Tài liệu phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2012 dự kiến khai mạc ngày 25/04/2013 được đăng tải trên website của Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh tại địa chỉ website của Công ty: <http://www.bourbontn.com.vn> (mục Thông tin cổ đông\ĐHĐCĐ thường niên 2012\Chương trình, tài liệu Đại hội).

Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh xin được công bố thông tin đến quý cổ đông như trên.

Trân trọng.



**Đặng Huỳnh Úc My**

**Nơi nhận:**

-Như trên

-Lưu: P.HC, Vp.HĐQT.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BOURBON TÂY NINH

### Trụ sở chính

Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh

Tel.: (066) 3753250 -

Fax: (066) 3839834

Email: sbttninh@hcm.vnn.vn

### Văn phòng thương mại

Lầu 1 - 62 Trần Huy Liệu, P. 12, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (08) 629 269 18 - 629 269 19

Fax: (08). 629 269 20

Email: bourbonsugar@vnn.vn

[www.bourbontn.com.vn](http://www.bourbontn.com.vn)

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012



*Khai phá tiềm năng - Gia tăng giá trị*

## *Khai phá tiềm năng, Gia tăng giá trị*



### MỤC LỤC

#### THÔNG ĐIỆP

04 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

#### THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

05 Cơ cấu cổ đông

05 Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% số lượng CP

#### TỔNG QUAN CÔNG TY

06 Giới thiệu chung

08 Sứ mệnh, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi

10 Hành trình phát triển giai đoạn 2007 - 2011

12 Sự kiện nổi bật năm 2012

#### TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

18 Sơ đồ tổ chức

20 Giới thiệu HĐQT

22 Giới thiệu Ban kiểm soát

24 Giới thiệu Ban điều hành

#### BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2012

28 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

32 Báo cáo của HĐQT

36 Báo cáo của Ban kiểm soát

#### BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2012

42 Thông tin chung

44 Báo cáo kiểm toán độc lập

46 Bảng cân đối kế toán

50 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

51 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

54 Thuyết minh báo cáo tài chính

## Thông điệp của Chủ tịch HĐQT



“Từ những giải pháp cốt lõi, phù hợp với tình hình thực tế đã giúp cho SBT vượt qua khó khăn, thách thức và đạt thành công trong năm vừa qua...”

**Thứ hai:** Song song với vấn đề phát triển nguyên liệu thì vấn đề công nghệ, SBT cũng rất quan tâm. Dự án nâng công suất lên 9.800 TMN đã hoàn tất thành công, giúp cho việc rút ngắn thời gian thu hoạch của bà con nông dân trồng mía. Ngoài ra, trong năm 2012, Hội đồng quản trị SBT cũng đã quyết định đầu tư và cải tạo mới lò hơi được đốt từ bã mía và từ phụ phẩm nông nghiệp theo công nghệ BIOMAS để hướng đến gia tăng lượng đường ngoài vụ, gia tăng khả năng phát điện. Dự kiến, dự án sẽ hoàn tất và đưa vào sử dụng cuối năm 2013. Ngoài việc gia tăng sản lượng đường RE lên 200.000 tấn năm 2014, sản lượng điện cung cấp cho EVN khoảng 75.000 MWH thì SBT tin rằng sản phẩm đường RE của SBT có khả năng cạnh tranh với các sản phẩm đường RE trong khu vực ngay trên sân nhà khi kinh tế hội nhập.

**Thứ ba:** Bên cạnh các giải pháp về nguyên liệu, công nghệ thì công tác quản lý nhân sự cũng được Hội đồng quản trị SBT luôn luôn chú trọng. Việc tăng cường các chính sách đãi ngộ, khuyến khích động viên kịp thời, các chính sách khen thưởng thoả đáng đã giúp cho toàn thể Cán bộ công nhân viên SBT hoàn toàn yên tâm cống hiến với mái nhà chung SBT mà anh chị em đã tận tình cống hiến và gắn bó trong gần 20 năm qua.

Từ những giải pháp cốt lõi, phù hợp với tình hình thực tế đã giúp cho SBT vượt qua khó khăn, thách thức và đạt thành công trong năm vừa qua, vượt chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên đã giao phó, đồng thời cũng thực hiện tốt những cam kết về chính sách cổ tức cho Quý cổ đông, nhà đầu tư.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành công đã đạt được, Hội đồng quản trị SBT cũng rất quan tâm, trăn trở với các vấn đề liên quan đến Công ty Bourbon An Hòa (BAC), dự án ESPACE Bourbon Tây Ninh – những vấn đề vốn đã tồn tại từ nhiều năm nay. Với các chính sách mà chính phủ đang đưa ra để vực dậy ngành bất động sản, sự nỗ lực của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, Hội đồng quản trị SBT sẽ quyết tâm tìm những giải pháp chiến lược cho vấn đề BAC, ESPACE Bourbon Tây Ninh theo hướng thu hồi nguồn vốn để tập trung chính vào hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi.

Với tinh thần nhiệt huyết, trách nhiệm trong các quyết định, Hội đồng quản trị SBT rất mong được Quý cổ đông, các nhà đầu tư, đối tác chiến lược chia sẻ và đồng thuận. Hội đồng quản trị cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến sự hậu thuẫn, là động lực có sức động viên cổ vũ to lớn trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao phó trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn và thách thức như hiện nay.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh, tôi chân thành cảm ơn Quý cơ quan, Sở, Ban, Ngành đã luôn quan tâm và hỗ trợ, Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý bà con nông dân về sự hợp tác lâu dài, Quý cổ đông đã tin tưởng và sẽ cùng đồng hành với chúng tôi trong thời gian tới.

### Quý cổ đông, nhà đầu tư, đối tác chiến lược quý mến!

Trước tiên, thay mặt Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh (SBT), cho tôi gửi lời cảm ơn sâu sắc đến quý vị đã đồng hành cùng SBT trong thời gian qua.

Năm 2012, kinh tế thế giới cũng như trong nước gặp rất nhiều khó khăn, rất nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau đã phải tìm mọi giải pháp để tồn tại và phát triển. Trong bối cảnh chung đó, SBT cũng đã không ngừng tìm những giải pháp không chỉ mang tính cấp bách mà còn thể hiện tính chiến lược để gia tăng năng lực cạnh tranh, hướng đến sự phát triển bền vững trong xu thế hội nhập sâu rộng với kinh tế khu vực và quốc tế.

**Thứ nhất:** việc phát triển vùng nguyên liệu, gia tăng năng suất, cải thiện chữ đường, cơ giới hoá nông nghiệp là những ưu tiên hàng đầu, là mục tiêu chương trình hành động cốt lõi mà Hội đồng quản trị SBT đã xác lập ngay từ khi nhận nhiệm vụ sau Đại hội thường niên năm 2011. Bằng những giải pháp cụ thể và sát với thực tế, trong năm vừa qua, SBT đã phát triển vùng nguyên liệu mía lên trên 15.000 ha và cung cấp 929.687 tấn mía, tăng 11% so với năm 2011, điều mà tưởng chừng hết sức khó khăn do vùng nguyên liệu bị cạnh tranh khốc liệt với các cây khoai mì, cao su, măng cầu,... Tuy nhiên, bằng các chính sách hỗ trợ đầu tư linh hoạt, các công tác khuyến nông kịp thời, công tác thu hoạch được tổ chức một cách khoa học, sự hỗ trợ tận tình của các Sở, Ban, Ngành địa phương và chính sách thu mua cao nhất cả nước, đã giúp cho bà con nông dân ngày càng gắn gũi và gắn bó với cây mía. Với phương châm “hợp tác cùng phát triển, đồng hành cùng nhà nông”, SBT tiếp tục xác định mục tiêu trọng tâm năm 2013 vẫn là “duy trì và phát triển vùng nguyên liệu”, phân đầu diện tích đầu tư gần 16.000 ha và sản lượng trên 1.000.000 tấn mía. Cụ thể, các chương trình cánh đồng mẫu lớn, cơ giới hoá trong nông nghiệp, cải thiện chữ đường từ việc nghiên cứu những giống mía phù hợp với từng khu vực đều đã được hoàn tất thử nghiệm và sẽ triển khai rộng rãi trong năm 2013. Hội đồng quản trị tin chắc rằng mục tiêu về nông nghiệp sẽ tiếp tục gặt hái nhiều thành công.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐẶNG HUỖNH ƯỚC MY

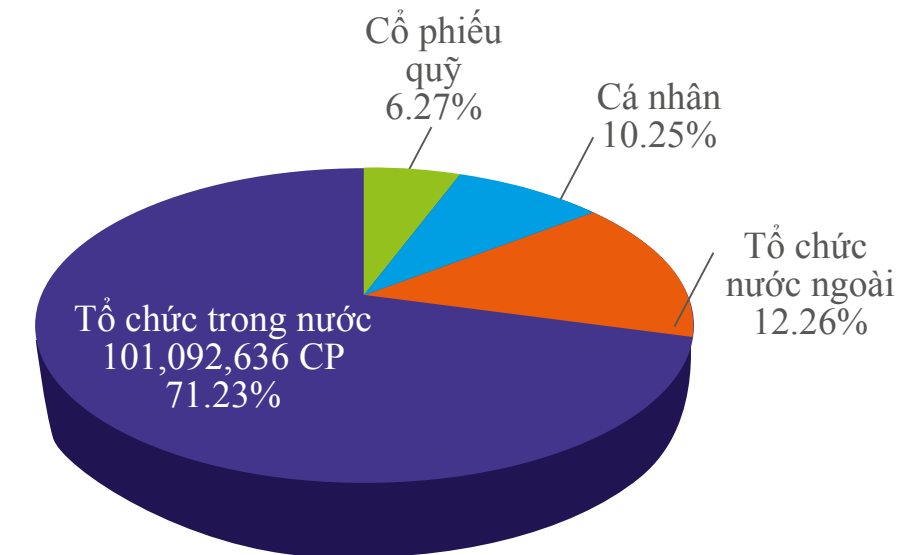
### Thông tin cổ đông

Cơ cấu cổ đông  
Danh sách cổ đông từ 5%

## Thông tin về cổ đông và cổ phiếu

(tại thời điểm chốt danh sách cổ đông 22/03/2013)

### Cơ cấu cổ đông



### Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% số lượng cổ phiếu phát hành

| STT | Cổ đông                                    | Số đăng ký sở hữu | Số lượng cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|--|-------------------|-------------------------------------|------------------|
| 1   | Công ty cổ phần Đầu tư Thành Thành Công    | 0301466073        | 35,247,600                          | 24.84%           |
| 2   | Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên | 303125287         | 35,055,670                          | 24.70%           |
| 4   | Công ty cổ phần Điện Gia Lai               | 5900181213        | 10,700,930                          | 7.54%            |

## Tổng quan Bourbon Tây Ninh

### Giới thiệu chung

Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi  
Hành trình phát triển giai đoạn 2007 -2012  
Sự kiện nổi bật năm 2012

## Giới thiệu chung

### Tên công ty

Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN BOURBON TÂY NINH  
Tên giao dịch: SOCIETE DE BOURBON TÂY NINH  
Tên viết tắt: SBT

### Ngày thành lập

Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh thành lập ngày 15 tháng 7 năm 1995 do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư cấp (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư). Tiền thân là Công ty liên doanh giữa Tập đoàn Bourbon (Pháp), Tổng Công ty mía đường II và Công ty mía đường Tây Ninh.

### Thông tin liên hệ

Trụ sở chính: Xã Tân Hưng – Huyện Tân Châu – Tỉnh Tây Ninh  
Điện thoại: 066 3 753 250  
Fax: 066 3 839 834  
Website: <http://www.bourbontn.com.vn> – Email: [sbttinh@bourbontn.com.vn](mailto:sbttinh@bourbontn.com.vn)

### Các chi nhánh:

#### Văn phòng thương mại SBT

Lầu 1, số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận  
Điện thoại : 08 - 629 269 18/ 629 269 19 - Fax : 08 629 269 20 – Email: [bourbonsugar@bourbontn.com.vn](mailto:bourbonsugar@bourbontn.com.vn)

#### Kho đường tại TPHCM

Địa chỉ : Công ty Thành Thành Công, KCN Tân Bình, Quận Tân Bình – Tp.HCM

#### Trại thực nghiệm mía Châu Thành

Địa chỉ : Xã Thái Bình – Huyện Châu Thành – Tỉnh Tây Ninh  
Điện thoại : 066.3823843

#### Trung tâm khảo nghiệm và sản xuất mía giống Tây Ninh

Địa chỉ : Xã Tân Hưng – Huyện Tân Châu – Tỉnh Tây Ninh  
Điện thoại : 066.3753802

#### Trại mía giống Bourbon Bến Cầu

Địa chỉ : Xã Long Phước – Huyện Bến Cầu – Tỉnh Tây Ninh  
Điện thoại : 066.3760828 – Fax: 066.3760828

## Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất đường tinh luyện;  
Đầu tư trồng và phát triển cây mía;  
Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường;  
Sản xuất điện thương phẩm;  
Sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp;  
Xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp;  
Xây dựng các công trình dân dụng (siêu thị, nhà hàng, khách sạn, ...);  
Kinh doanh siêu thị, nhà hàng, khách sạn;  
Xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp;  
Gia công cơ khí (các thiết bị trong ngành mía đường);  
Tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường;  
Sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn;  
Kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở;  
Đầu tư tài chính.

### Vốn điều lệ

1.419.258.000.000 đồng (Một ngàn bốn trăm mười chín tỷ hai trăm năm mươi tám triệu đồng).

### Giấy chứng nhận đầu tư

Hiện nay, SBT là công ty cổ phần hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư số 451031000014 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp điều chỉnh lần thứ 11 ngày 24/10/2012

### Niêm yết

Ngày 25/02/2008 Công ty niêm yết 44.824.172 cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán Tp.HCM, chiếm 31,58% tổng số cổ phiếu phát hành. Mã chứng khoán : SBT

Ngày 17/05/2011 Ủy ban chứng khoán Nhà Nước ra quyết định chấp thuận cho SBT niêm yết bổ sung 97.081.628 cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) (Theo công văn số 137/UBCK-PTTT ngày 17/05/2011)

### Cổ đông chiến lược nắm giữ 25% tổng số cổ phần

Công ty cổ phần Đầu tư Thành Thành Công  
Công ty TNHH Thương mại - Đầu tư Thuần Thiên

### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam  
Địa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Sunwah – 115 Nguyễn Huệ, Q1, TP.HCM.  
Điện thoại: 08-38219266 - Fax: 08-38219267



## Tổng quan Bourbon Tây Ninh

Giới thiệu chung

**Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi**

Hành trình phát triển giai đoạn 2007 - 2012

Sự kiện nổi bật năm 2012

## Sứ mệnh

“Cung cấp sản phẩm đường tinh luyện cao cấp đạt tiêu chuẩn Châu Âu, phục vụ cộng đồng vì sức khỏe”

## Tầm nhìn

“Trở thành Công ty sản xuất đường tinh luyện hàng đầu Việt Nam và khu vực”

## Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi

## Giá trị cốt lõi

- Thỏa mãn nhu cầu khách hàng là mối quan tâm hàng đầu
- Nhân viên là tài sản
- Nông dân là bạn đồng hành
- Đề cao trách nhiệm xã hội, môi trường và cộng đồng
- Luôn là người tiên phong



### Tổng quan Bourbon Tây Ninh

Giới thiệu chung

Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi

Hành trình phát triển giai đoạn 2007 - 2012

Sự kiện nổi bật năm 2012

## Hành trình phát triển 2007 - 2012

### 2007

Công ty thuê 1.002 m<sup>2</sup> đất tại Trung tâm Thị xã Tây Ninh, vị trí đất với 4 mặt tiền và nơi đây được mệnh danh là “Khu đất vàng” của thị xã.

### 2008

Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh chính thức niêm yết 44.824.172 cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán: SBT

### 2009

Sau khi thực hiện chiến lược đa dạng hóa ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Bourbon, Công ty đã tiếp nhận và triển khai dự án Khu công nghiệp. Tháng 10/2009, Công ty chính thức tổ chức Lễ động thổ Vườn Công nghiệp Bourbon An Hòa. Đây là khu công nghiệp sinh thái đầu tiên tại Việt Nam.



### 2010

Cuối năm 2010, Tập đoàn Bourbon thoái vốn tại Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh, chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phần sở hữu cho đối tác Việt Nam, trong đó Công ty cổ phần Đầu tư Thành Thành Công là cổ đông lớn, chiếm 24,5% tổng số lượng cổ phần phát hành của SBT.

### 2011

Lần đầu tiên sau 16 năm thành lập và hoạt động, nhà máy SBT triển khai dự án nâng công suất ép từ 8.000 tấn mía/ngày lên 9.000 tấn mía/ngày. Dự án đã chính thức đã hoàn thành tốt đẹp, tiết kiệm 20% chi phí dự kiến và chính thức đưa vào hoạt động trong vụ ép 2011-2012.

### 2012

Nhà máy SBT tiếp tục triển khai dự án nâng công suất ép từ 9.000 tấn mía/ngày lên 9.800 tấn mía/ngày. Dự án đã hoàn thành và chính thức đưa vào hoạt động trong vụ ép 2012-2013 vừa qua. Bên cạnh đó, nhà máy SBT cũng đã hoàn thành dự án Affinage (xưởng hòa tan đường thô), đã đưa vào sử dụng từ tháng 12/2012, góp phần làm gia tăng sản lượng đường RE – vốn là sản phẩm chủ lực của SBT, đáp ứng nhu cầu thị trường.



**Tổng quan Bourbon Tây Ninh**

Giới thiệu chung  
Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi  
Hành trình phát triển giai đoạn 2007 - 2012  
**Sự kiện nổi bật năm 2012**

**Sự kiện nổi bật năm 2012**

sản lượng mía ép đạt **929.678** tấn

sản lượng đường tiêu thụ **100.436** tấn

sản lượng đường thô nguyên liệu **38.851** tấn

sản lượng điện tiêu thụ **47.664** Mwh

TỔNG DOANH THU & THU NHẬP KHÁC **1.962.752** TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ **422.271** TỶ ĐỒNG

Năm 2012, với bối cảnh nền kinh tế vĩ mô nước nhà gặp nhiều khó khăn tác động đến tất cả các lĩnh vực ngành nghề, trong đó ngành mía đường cũng không nằm ngoài sự tác động đó. Tuy nhiên với sự nỗ lực, cố gắng của toàn thể Cán bộ nhân viên, cùng với sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, các ngành, các cấp, sự quan tâm sát sao của Hội đồng quản trị đã tạo điều kiện để Ban điều hành (BĐH) Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã giao phó.

**Sự kiện nổi bật năm 2012****1 Giải vàng Chất lượng quốc gia năm 2012:**

Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh đạt “Giải vàng Chất lượng quốc gia năm 2012” do Thủ tướng Chính phủ khen tặng. Năm 2012 là năm thứ hai Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh tham dự “Giải thưởng Chất lượng quốc gia Việt Nam”. Đây là một giải thưởng lớn, chất lượng, có uy tín do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức. Với những ưu thế về công nghệ, dày chuyên và quy trình sản xuất khép kín, đồng bộ kết hợp cách quản lý khoa học, tinh tế, công nghiệp là nền tảng cho Công ty đạt giải vàng.

**2 SBT được UBND Tỉnh Tây Ninh khen tặng “Đã có nhiều thành tích trong vụ sản xuất 2011-2012”**

Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc SBT nhận bằng khen của UBND tỉnh Tây Ninh



**Tổng quan Bourbon Tây Ninh**

Giới thiệu chung  
Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi  
Hành trình phát triển giai đoạn 2007 - 2012  
**Sự kiện nổi bật năm 2012**

**Sự kiện nổi bật năm 2012** (tiếp theo)

**3** VN 30 lần 2:

Ngày 19/07/2013: Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) công bố 30 doanh nghiệp vào danh sách VN30, trong đó có Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh (Mã chứng khoán: SBT). Chỉ số VN30 được tính theo phương pháp giá trị vốn hóa thị trường, bao gồm 30 cổ phiếu thành phần, đại diện cho hoạt động của 30 công ty được niêm yết trên sàn HOSE, chiếm khoảng 80% tổng giá trị vốn hóa và 60% tổng giá trị giao dịch toàn thị trường. Đây là năm thứ hai, SBT đạt được danh hiệu VN30.



**4** Ông Nguyễn Trọng Hòa – Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm và Sản xuất mía giống Tây Ninh đã đạt giải Nhì và giải Ba trong Hội thi sáng tạo Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Tây Ninh.

**5** Công ty CP Bourbon Tây Ninh là một trong 8 doanh nghiệp được xếp hạng V1000

V1000 là bảng xếp hạng top 1.000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, dựa trên kết quả xử lý và kiểm chứng dữ liệu độc lập của Công ty Việt Nam Report, được công bố thường niên bởi Báo điện tử VietNamNet với sự phối hợp của Tạp chí Thuế thuộc Tổng cục Thuế và các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước. Năm nay, tỉnh Tây Ninh có 8 doanh nghiệp lọt vào bảng xếp hạng V1000, trong đó có Công ty CP Bourbon Tây Ninh, có trụ sở tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu; Bảng xếp hạng V1000 được công bố hằng năm, nhằm ghi nhận và tôn vinh các doanh nghiệp có kết quả kinh doanh tốt, tuân thủ luật pháp, chính sách thuế và có sự đóng góp thuế lớn nhất trong 4 năm liên tiếp cho ngân sách Nhà nước. Thông tin dữ liệu của các doanh nghiệp xếp hạng được tham chiếu từ hệ thống cơ sở dữ liệu của hơn 300.000 doanh nghiệp Việt Nam trên toàn quốc, trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc khách quan, độc lập và khoa học



**6** Đầu tư máy bóc mía cho nông dân:

Trong mục tiêu cơ giới hóa lĩnh vực canh tác mía đường, nhằm tăng tính chủ động trong khâu thu hoạch, giảm bớt khó khăn về vấn đề nhân công lao động. Từ vụ 2012 - 2013, SBT đã mạnh dạn đầu tư máy bóc mía để hỗ trợ bà con nông dân tăng thu nhập từ cây mía. Năm nay là năm thứ hai SBT đầu tư thêm máy bóc mía cho bà con nông dân, nâng tổng số máy bóc mía SBT đã đầu tư lên 16 máy.



Tổng giám đốc SBT trao tượng trưng máy bóc mía cho Bà con nông dân vụ sản xuất 2012-2013

**7** Đầu tư máy thu hoạch mía vụ thu hoạch 2012 - 2013:

Với tầm nhìn và định hướng phát triển mang tính chiến lược, lâu dài, lần đầu tiên tại Việt Nam, Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh đã triển khai mua máy thu hoạch mía cắt khúc để thực hiện công tác thu hoạch mía cho bà con nông dân. Có thể nói đây là một bước tiến mang tính đột phá vượt bậc của Bourbon Tây Ninh cho ngành nông nghiệp nói chung và ngành mía đường nói riêng, góp phần từng bước áp dụng hoàn toàn cơ giới hóa vào sản xuất cây mía.



**8** Nhận được chứng chỉ FSSC 22000

" Tháng 11/2012, SBT đã nhận được chứng chỉ FSSC 22000 và vinh dự trở thành một trong những Công ty sản xuất đường đầu tiên tại Việt Nam đạt chứng chỉ FSSC này. SBT đã thực hiện được cam kết cao nhất trong việc đáp ứng mong đợi của khách hàng về một sản phẩm tinh sạch, không sử dụng hóa chất, phụ gia, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế do GSFI công nhận."



“**Con người** là tài sản quý nhất  
tạo nên **thành công**”

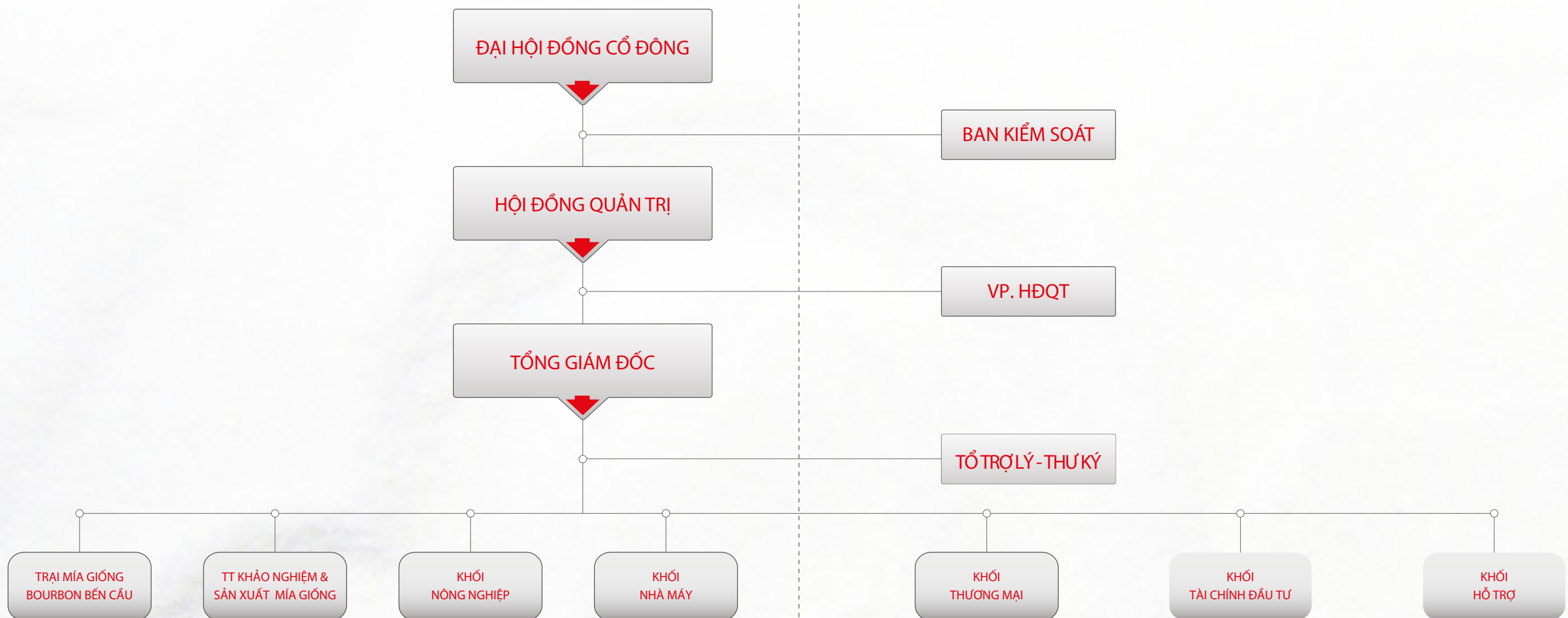
của Bourbon Tây Ninh”

Con người là tài sản quý nhất tạo nên thành công của Bourbon Tây Ninh, do đó việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực luôn được chú trọng. Sau 17 năm hoạt động, Công ty đã quy tụ được đội ngũ nhân sự lâu năm và giàu kinh nghiệm. Trải qua các khóa đào tạo chuyên sâu trong và ngoài nước, kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình công tác, đội ngũ kỹ sư, công nhân của nhà máy đã hoàn toàn làm chủ được công nghệ mà trước đây do những chuyên gia nước ngoài đảm nhiệm. Theo định hướng phát triển của Công ty, nhân sự SBT sẽ tiếp tục được đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, gia tăng chất lượng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất kinh doanh trong các niên vụ tiếp theo.



**Tổ chức & nhân sự**

Sơ đồ tổ chức  
Giới thiệu Hội đồng Quản trị  
Giới thiệu Ban Kiểm soát  
Giới thiệu Ban Điều hành

**Sơ đồ tổ chức**

**Tổ chức & nhân sự**

Sơ đồ tổ chức  
**Giới thiệu Hội đồng Quản trị**  
 Giới thiệu Ban Kiểm soát  
 Giới thiệu Ban Điều hành

**Giới thiệu Hội đồng Quản trị**

**Bà ĐẶNG HUỖNH ỨC MY**  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh và Tài chính, bà Úc My đã từng nắm giữ các vị trí điều hành quan trọng tại Công ty cổ phần Đầu tư Thành Thành Công như Phó Chủ tịch, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Thành Thành Công.

Sau khi ông Philippe Lombard từ nhiệm, Bà đã được HĐQT tín nhiệm và bổ nhiệm vào vị trí Thành viên HĐQT vào tháng 1/2012.

Tại Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2011 của SBT ngày 12/4/2012, Bà đã được bầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2012-2016.



**Ông LÊ VĂN DĨNH**  
 Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông là kỹ sư công nghệ đã về hưu sau khi làm việc lâu năm trong ngành đường Việt Nam. Ông đã từng là Giám đốc Công ty đường Biên Hòa, Giám đốc Công ty ECotech.

Từ năm 2000 đến nay, ông là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh. Với kinh nghiệm và kiến thức nhiều năm trong ngành đường, Ông được Hội đồng quản trị giao trọng trách tư vấn về kỹ thuật cho SBT.



**Ông VÕ TÔNG XUÂN**  
 Thành viên Hội đồng Quản trị

Giáo sư - Tiến sĩ, Nhà giáo Nhân dân Võ Tông Xuân là một nhà khoa học thuộc lĩnh vực nông nghiệp. Ông đã được tặng nhiều giải thưởng cao quý trên thế giới và đã được Nhà nước Việt Nam công nhận là Anh hùng Lao động. Ông có nhiều đóng góp trong việc nghiên cứu nông nghiệp cũng như sự nghiệp giáo dục. Hiện nay, Ông là Hiệu trưởng trường đại học Tân Tạo, Ủy viên Hội đồng quản trị Trung tâm phát triển phân bón quốc tế (Alabama, Mỹ), Chủ tịch Hội đồng khoa học chương trình Kinh tế môi trường ĐNA (Singapore), Ủy viên Hội đồng quản trị Học viện kinh tế Á Châu (Philippines)

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, Ông được tín nhiệm và được bầu là thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh. Với kiến thức uyên bác bậc thầy và dày dặn kinh nghiệm nhiều năm trong ngành nông nghiệp, Ông được Hội đồng quản trị giao trọng trách tư vấn về nông nghiệp cho SBT.



**Ông THÁI VĂN CHUYỆN**  
 Thành viên Hội đồng Quản trị

Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh năm 2001 và đại học Luật Hà Nội năm 2010. Ông đã và đang nắm giữ vị trí chủ chốt tại các Công ty như: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đường Biên Hòa, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Điện Gia Lai, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Thành Thành Công.

Bằng những kiến thức và kinh nghiệm trong công tác quản trị và điều hành, Ông được Hội đồng quản trị tín nhiệm và bổ nhiệm là thành viên Hội đồng quản trị SBT từ ngày 1/11/2012.



**Ông PHẠM HỒNG DƯƠNG**  
 Thành viên Hội đồng Quản trị

Tốt nghiệp Kỹ sư khoa Hoá thực phẩm Đại học Bách Khoa Tp. Hồ Chí Minh; tốt nghiệp MBA tại Đức về Tư vấn quản trị sản xuất. Gia nhập SBT từ năm 1998, ông Phạm Hồng Dương đã có 14 năm kinh nghiệm trong ngành công nghệ sản xuất đường. Ông đã từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Nhà máy, Phó Tổng giám đốc Kỹ thuật, điều hành đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm cùng công nghệ và hệ thống thiết bị tiên tiến bậc nhất ngành đường Việt Nam.

Sau khi bà Trần Quế Trang từ nhiệm, Ông được Hội đồng quản trị tín nhiệm và bổ nhiệm là thành viên Hội đồng quản trị SBT từ ngày 1/3/2013.

**Tổ chức & nhân sự**

Sơ đồ tổ chức  
Giới thiệu Hội đồng Quản trị  
**Giới thiệu Ban Kiểm soát**  
Giới thiệu Ban Điều hành

**Giới thiệu Ban Kiểm soát**

**Bà NGUYỄN THÙY VÂN**  
Trưởng Ban kiểm soát

Là cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán, MBA – Western Pacific University, Bà có hơn 10 năm kinh nghiệm trong công tác Kế toán – Tài chính – Đầu tư trong nhiều lĩnh vực khác nhau như sản xuất, chứng khoán, hàng hoá phái sinh, kinh doanh kho vận.

Tại Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2011 của SBT, Bà được bầu làm Trưởng ban kiểm soát. Hiện tại Bà cũng đang giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát của Công ty cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, thành viên Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Đường Biên Hoà.



**Ông NGUYỄN TIẾN CƯỜNG**  
Thành viên Ban kiểm soát

Tốt nghiệp Kỹ sư hóa, ông Nguyễn Tiến Cường đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong quản lý và sản xuất chế biến đường. Ông đã từng nắm giữ những chức vụ quan trọng tại các Công ty như: Phó giám đốc Kỹ thuật Công ty Mía đường Trà Vinh, Phó giám đốc ngành Đường Công ty cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Phan Rang. Hiện nay, Ông đang là Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai.

Tại Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2011 của SBT, Ông được bầu là thành viên Ban kiểm soát.



**Ông NGUYỄN TRỌNG HÒA**  
Thành viên Ban kiểm soát

Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Kỹ sư hóa chế biến thực phẩm của trường Đại học Bách khoa Tp.HCM. Trong 16 năm gắn bó với SBT, Ông đã nhận được bằng khen cấp tỉnh về sáng chế, phát minh công trình khoa học kỹ thuật. Hiện nay, Ông đang là Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm và Sản xuất mía giống Tây Ninh. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 của SBT, Ông được bầu là Thành viên Ban kiểm soát.

**Tổ chức & nhân sự**

Sơ đồ tổ chức  
Giới thiệu Hội đồng Quản trị  
Giới thiệu Ban Kiểm soát  
**Giới thiệu Ban Điều hành**

**Giới thiệu Thành viên Ban Điều hành**

**Ông NGUYỄN BÁ CHỦ**  
Tổng giám đốc SBT

Là Cử nhân kinh tế công nghiệp trường Đại học kinh tế Tp.HCM, bắt đầu làm việc tại Công ty đường Bình Dương từ năm 1987, đến nay ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành mía đường. Ông đã từng tham gia nhiều khóa đào tạo quản lý cấp cao trong và ngoài nước, đặc biệt các khóa đào tạo chuyên sâu về quản lý sản xuất trong ngành mía đường. Ông đã từng là Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Thành Thành Công. Từ tháng 10/2010, Ông được Hội đồng quản trị tín nhiệm và bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng giám đốc SBT. Sau thời gian ngắn, dưới sự chỉ đạo và hỗ trợ sát sao của Hội đồng quản trị, Ông đã cùng Ban điều hành đưa SBT đến những thành công vượt bậc về sản lượng mía ép, doanh thu, lợi nhuận. Phát huy những thế mạnh hiện có của SBT, ông đã biến ước mơ nâng công suất của nhà máy SBT thành hiện thực.



**Ông TRỊNH MINH CHÂU**  
Phó Tổng giám đốc Thường trực

Tốt nghiệp Cử nhân kế toán doanh nghiệp, thạc sĩ Tài chính ngân hàng, nhưng Ông có duyên gắn bó với ngành nông nghiệp từ rất sớm. Đến nay Ông đã có hơn 15 năm kinh nghiệm quản lý trong ngành. Ông đã từng nắm giữ những chức vụ quan trọng như Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Mía đường Sóc Trăng, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai và công ty cổ phần Đường Ninh Hòa, Giám đốc ngành Đường Công ty cổ phần Đầu tư Thành Thành Công. Hiện Ông đang giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hiệp hội mía đường Việt Nam. Hiện nay, Ông là Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh, phụ trách khối Nông nghiệp và khối Hỗ trợ.



**Bà TRƯƠNG THỊ HỒNG**  
Phó Tổng giám đốc Tài chính

Sau giải phóng 1975, Bà đã tham gia và trưởng thành từ những hoạt động phong trào Đoàn. Bà đã rất thành công và nắm giữ những vị trí quan trọng như: Phó Bí thư Thị xã Đoàn, Phó Văn phòng Thị xã ủy – phụ trách Tài chính Thị xã ủy (từ năm 1984 đến năm 1992), Trưởng phòng Tài chính Thị xã (từ năm 1992 đến năm 2002). Tốt nghiệp Đại học Kinh tế và được bổ nhiệm chức vụ Phó giám đốc Sở Tài chính Tỉnh Tây Ninh (từ năm 2002 đến năm 2008). Với những kinh nghiệm, kiến thức và nhiệt huyết, sau khi nghỉ hưu Bà đã được Hội đồng quản trị SBT tín nhiệm và mời tham gia vào Ban Tổng giám đốc từ năm 2010, nắm giữ vị trí quan trọng là Giám đốc Tài chính. Tháng 7/2012, Bà đã được HĐQT bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc Tài chính. Bà đã góp phần cùng Ban điều hành Công ty SBT hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao.

## Tổ chức & nhân sự

Sơ đồ tổ chức  
Giới thiệu Hội đồng Quản trị  
Giới thiệu Ban Kiểm soát  
**Giới thiệu Ban Điều hành**

## Giới thiệu Thành viên Ban Điều hành



**Ông ĐINH VĂN HIỆP**  
Giám đốc Nông nghiệp

Tốt nghiệp Kỹ sư điện tử, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Trường ĐH Bách Khoa Tp.HCM. Ông Hiệp đã có kinh nghiệm làm việc 07 năm là giảng viên và trải qua nhiều vị trí quản lý khác nhau từ Tổ trưởng, Trưởng phòng cho đến chủ tịch HĐQT công ty. Hơn 15 năm làm việc, quá trình công tác nhiều ngành khác nhau từ giáo dục, viễn thông, thủy điện, đầu tư tài chính, du lịch, mía đường... Hơn 03 năm gắn bó với ngành mía đường, đảm nhận vị trí trợ lý chủ tịch, thường trực HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai. Ông Hiệp chính thức gia nhập SBT vào tháng 1/2012 và hiện nay là Giám đốc khối Nông nghiệp Công ty SBT.



**Ông NGUYỄN THÀNH KHIÊM**  
Giám đốc Nhà máy

Là Kỹ sư hóa công nghệ trường Đại học Hóa - Lomonosov, Moscow, Nga; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Trường đại học Gloucestershire. Ông Nguyễn Thành Khiêm gắn bó với Công ty SBT từ những năm mới thành lập. Hiện nay, Ông đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc nhà máy, điều hành đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm và đầy nhiệt huyết. Trong vụ sản xuất 2011-12, Ông và đội ngũ kỹ sư đã từng bước thực hiện dự án nâng công suất ép lên 9800 tấn mía/ngày, góp phần tăng sản lượng mía ép, giảm áp lực thu hoạch.



**Bà DƯƠNG THỊ TÔ CHÂU**  
Giám đốc khối Thương Mại

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế và được đào tạo chuyên sâu về quản trị nhãn hiệu hàng hoá, quản lý doanh nghiệp, quản lý hệ thống chất lượng, và quản trị kinh doanh ngoại thương. Bà đã có kinh nghiệm quản lý điều hành kinh doanh ngành đường trong suốt 13 năm trước khi gia nhập vào ngôi nhà chung SBT. Từ năm 2010 đến nay, với vị trí Giám đốc Khối Thương mại. Bà cùng các cộng sự đã và đang mở rộng hệ thống kinh doanh phân phối, hệ thống siêu thị và nhà đại lý rộng khắp các tỉnh thành trong cả nước. Cùng cố và mở rộng khách hàng công nghiệp trong nước và xuất khẩu ra các nước trong khu vực châu Á & Trung Đông.



**Ông NGUYỄN VĂN ĐỆ**  
Giám đốc khối Tài chính & Đầu tư

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính doanh nghiệp trường ĐH Kinh tế Tp.HCM, cử nhân Anh Văn ngành ngữ Văn - Anh trường Đại học KHXH & NV. Ông đã có hơn 7 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính trước khi gia nhập vào SBT, cùng với những khoá đào tạo chuyên sâu về quản trị Tài chính, hoạch định ngân sách, thẩm định dự án... Ông được xem là có những đóng góp quan trọng cho hoạt động tài chính của SBT trong hơn 1 năm qua. Với tinh thần nhiệt huyết cùng với sự quyết đoán và minh bạch trong công việc, đã giúp Ông có những bước tiến quan trọng trong hoạt động tại SBT, hiện ông đang đảm nhiệm chức vụ Giám đốc khối Tài chính & Đầu tư.



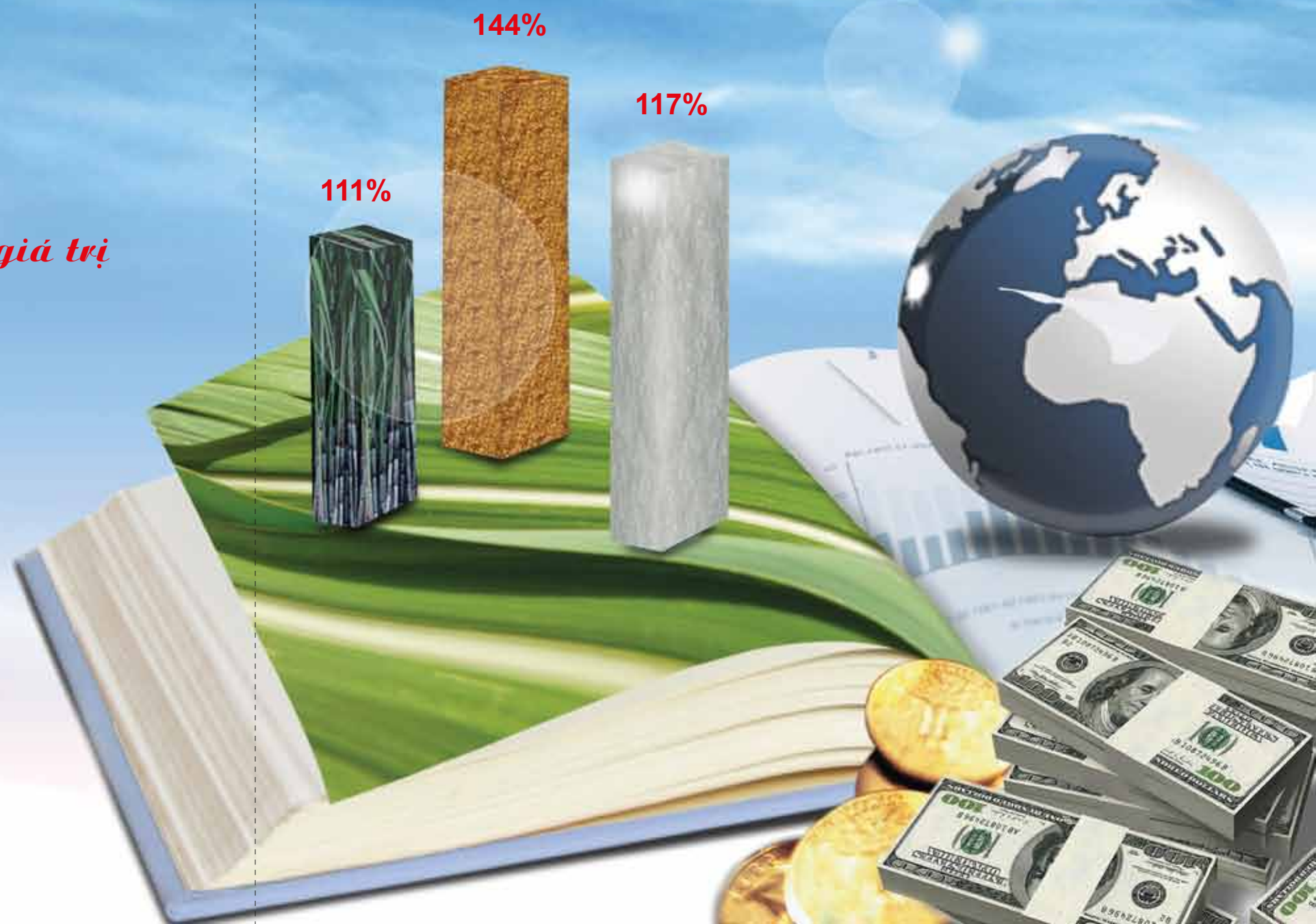
**Ông LÊ AN KHANG**  
Giám đốc khối Hỗ trợ

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế; Thạc sĩ Kinh tế - Đại học Kinh tế Tp.HCM. Ông Lê An Khang được đào tạo trong và ngoài nước với các khóa học ngắn hạn CEO, M&A, EQ, ..... Và có gần 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý dự án bất động sản, đầu tư tài chính và mía đường tại các Công ty như: Công ty Bay dịch vụ hàng không, Công ty cổ phần Khai thác và quản lý khu công nghiệp Đặng Huỳnh, Công ty cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, Công ty cổ phần Đường Ninh Hòa. Hiện nay Ông đang là Giám đốc khối Hỗ trợ của Công ty SBT và tham gia làm Thành viên HĐQT các Công ty: Công ty cổ phần Mía đường Phan Rang, Công ty cổ phần Mía đường 333, Công ty cổ phần Bò giống miền Trung.



**BOURBON**  
TAY NINH

*Khai phá tiềm năng - Gia tăng giá trị*



**Báo cáo hoạt động**

Báo cáo của Ban điều hành  
Báo cáo của Hội đồng quản trị  
Báo cáo của Ban kiểm soát

**Báo cáo của Ban Điều hành****PHẦN 1. TỔNG KẾT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2012 :****1. Kết quả sản xuất kinh doanh:**

- Năm 2012, với bối cảnh nền kinh tế vĩ mô nước nhà gặp nhiều khó khăn tác động đến tất cả các lĩnh vực ngành nghề, trong đó ngành mía đường cũng không nằm ngoài sự tác động đó. Tuy nhiên với sự nỗ lực, cố gắng của toàn thể cán bộ nhân viên, cùng với sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, các ngành, các cấp, sự quan tâm sát sao của Hội đồng quản trị đã tạo điều kiện để Ban điều hành (BDH) Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đại hội Đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã giao phó trong năm 2012, kết quả đạt được như sau:

| STT | Chỉ tiêu                        | Đvt     | Kế hoạch  | Thực hiện | Tỷ lệ đạt |
|-----|---------------------------------|---------|-----------|-----------|-----------|
| 1   | Sản lượng mía ép                | Tấn     | ≥ 840.000 | 929.678   | 111%      |
| 2   | Sản lượng đường thô nguyên liệu | Tấn     | ≥ 27.000  | 38.851    | 144%      |
| 3   | Sản lượng đường tiêu thụ        | Tấn     | 85.900    | 100.436   | 117%      |
| 4   | Tổng doanh thu (gồm phụ phẩm)   | Tỷ đồng | 1.810.000 | 1.962.752 | 108%      |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế            | Tỷ đồng | 400.350   | 422.271   | 105%      |

- Trong năm 2012, sản lượng tiêu thụ đường RE đạt hơn 100.400 tấn đường các loại, duy trì củng cố lượng khách hàng ổn định, giữ vững chất lượng, phục vụ hiệu quả và giữ vững thị phần của SBT.

- Xác định khách hàng kênh Công nghiệp là đối tượng chính, hiện đang chiếm 80% - 90% khách hàng của SBT. SBT luôn duy trì ổn định nhóm khách hàng này và xây dựng các mối quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược. SBT luôn thể hiện & giữ vững vị trí là nhà cung ứng đường cho hầu hết các công ty được phẩm trong nước, sản phẩm đường tinh luyện cao cấp của SBT là sự lựa chọn hàng đầu cho các công ty giải khát, thực phẩm hiện nay về uy tín chất lượng, và phong cách phục vụ chuyên nghiệp nhanh chóng, hiệu quả cao.

- Đối với người tiêu dùng, SBT thực hiện các hoạt động quảng bá về chất lượng đường Mimoso, Bonsu nhằm tạo hình ảnh cho một sản phẩm an toàn, tinh khiết, siêu sạch trên thị trường với phương châm “đường tinh

luyện siêu sạch dành cho người tiêu dùng”. Thông qua kênh siêu thị kết hợp các chương trình quảng cáo tăng mức độ nhận biết thương hiệu và uy tín thương hiệu, tăng sự chọn lựa của khách hàng. Kết hợp phổ biến chất lượng của SBT so sánh với các loại đường nhập lậu không nhãn hàng hóa, độc hại với người tiêu dùng. Tiếp tục tham gia giải thưởng chất lượng quốc gia 2012.

- Công ty đã nhập khẩu thành công đường thô nguyên liệu theo phương thức tạm nhập tái xuất, và hiện tại đã xuất toàn bộ lô hàng nhập khẩu trên. Hiện các mặt hàng Mimoso của SBT đã có mặt tại các quốc gia Singapore, Malaysia, Syria, Jordan, Srilanka, Mauritius đạt được sự hài lòng của đối tác nước ngoài về chất lượng cao và phục vụ chu đáo. Tạo lòng tin cậy cho sản phẩm đường RE của SBT và thúc đẩy cho kế hoạch xuất khẩu sau này tốt hơn.

- Ngoài ra, Công ty đã linh hoạt trong hoạt động đầu tư



Thành viên Ban Điều hành

tài chính nhằm gia tăng lợi thế, gia tăng giá trị cho Công ty và cổ đông. Với tổng giá trị đầu tư khoảng 759.103 triệu đồng, tổng giá trị thanh toán là 293.254 triệu đồng. SBT luôn xem hoạt động đầu tư tài chính là một hoạt động quan trọng đem lại lợi nhuận cao cho Công ty. Trong đó, Công ty chủ yếu hợp tác đầu tư với các công ty ngành đường như: Công ty mía đường Nhiệt điện Gia Lai, Công ty cổ phần đường Ninh Hòa, Công ty cổ phần đường La Ngà, Công ty cổ phần đường Biên Hòa, Công ty cổ phần Bourbon An Hòa... để gia tăng lợi thế cạnh tranh cho Công ty trong xu thế hội nhập.

**2. Phân tích một số nhân tố chủ yếu tạo nên kết quả như trên:****2.1 Nguyên liệu mía:**

- Xác định nguyên liệu mía là yếu tố quan trọng nhất quyết định sự tồn tại và phát triển của Công ty nên ngay từ đầu vụ sản xuất 2011- 2012, Công ty đã quyết tâm đầu tư đạt trên 15.000 ha mía, trong điều kiện vùng nguyên liệu tại tỉnh Tây Ninh đang ngày càng giảm sút. Ban điều hành cùng với Hội đồng quản trị xây dựng chính sách đầu tư hỗ trợ để người nông dân gắn bó trở lại với cây mía, cùng với việc đầu tư trồng mới tại biên giới Campuchia để đảm bảo sản lượng mía cho vụ 2012 – 2013 là trên 1.000.000 tấn.

- Tiếp tục chính sách đầu tư vụ 2012-2013 với khoản hỗ

trợ 9 triệu đồng/ha cho diện tích mía trồng mới đã góp phần duy trì sự hợp tác của nông dân trồng mía với SBT và phát triển thêm diện tích tại Châu Thành và Bến Cầu; bù đắp một phần diện tích mất đi tại 2 huyện Tân Biên và Tân Châu vốn bị cạnh tranh khốc liệt với cây cao su và cây mì.

- Kết quả đầu tư trên 2.200 ha tại Campuchia đã tạo điều kiện để Công ty duy trì nguyên liệu sản xuất cho vụ 2012-2013.

- Hỗ trợ thu hoạch mía cho bà con nông dân: tiếp tục đầu tư thêm 6 máy bóc mía để nâng tổng số máy bóc mía phục vụ cho thu hoạch lên thành 16 máy, đã hỗ trợ cho nông dân giảm chi phí thu hoạch, tăng nhanh thời gian giao mía về Nhà máy, góp phần giải quyết khó khăn trong khâu thu hoạch mía.

- Đặc biệt năm 2012, SBT đã đầu tư 1 máy thu hoạch mía và đưa vào hoạt động trọng vụ sản xuất 2012-2013, kết quả đạt được bước đầu rất tốt đẹp, tạo nền tảng cho việc cơ giới hóa trong tương lai đồng hành với việc xây dựng cánh đồng mẫu lớn để giúp người nông dân gia tăng lợi nhuận, giảm chi phí thu hoạch.

- Tổ chức cải tiến công tác quản lý sản xuất, thu hoạch mía như: tổ chức lại đầu công thu hoạch, chính sách đối với mía cháy, mía tồn sân...ngày càng tạo được niềm tin cho bà con nông dân về mối quan hệ đồng hành của nhà máy đối với nông dân trồng mía.



**Báo cáo hoạt động**

Báo cáo của Ban điều hành  
Báo cáo của Hội đồng quản trị  
Báo cáo của Ban kiểm soát

**Báo cáo của Ban Điều hành**

(tiếp theo)

**2.2 Công nghiệp:**

- Hoàn thành dự án nâng công suất từ 9.000 TMN lên 9.800 TMN với chi phí đầu tư 47 tỷ đồng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của công ty và gia tăng lợi nhuận trong các năm sau.

- Hoàn thành dự án Affinage (luyện đường thô) với vốn đầu tư 7,2 tỷ đồng, nâng cao năng lực luyện đường đạt 30.000 đến 35.000 tấn đường luyện góp phần gia tăng sản lượng đường luyện của Công ty đạt trên 100.400 tấn/năm.

**2.3 Tình hình nhân sự:**

- Trong năm, tình hình nhân sự duy trì ổn định, tổng số lao động đến tháng 12/2012 là 516 nhân viên biên chế, và hơn 300 lao động thời vụ.

- Công tác tuyển dụng: xúc tiến nhanh chóng việc tìm nguồn ứng viên và tổ chức phỏng vấn, tỷ lệ tuyển chọn được ứng viên trong năm bình quân đạt khoảng 98%, cơ bản đáp ứng được nguồn lực cho các phòng ban.

- Công tác đào tạo: xúc tiến nhanh chóng việc tìm các đối tác đào tạo. Đã tổ chức 56 khóa đào tạo (Trong đó: thực hiện 35/72 khóa, đạt 49% so với kế hoạch đào tạo năm 2012. Thực hiện thêm 21 khóa đào tạo phát sinh ngoài kế hoạch, chiếm 30 % so với tổng số khóa theo kế hoạch).

- Công tác duy trì nguồn nhân lực: thực hiện việc chi trả lương, thưởng, các chế độ đãi ngộ cho CBCNV kịp thời, tuân thủ quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

- Trong năm 2012, Ban điều hành SBT đã có một số thay đổi trong bộ máy tổ chức, như sau:

**Bổ nhiệm vị trí mới:**

| STT | Họ tên             | Vị trí                           | Ngày nhận quyết định |
|-----|--------------------|----------------------------------|----------------------|
| 1   | Trịnh Minh Châu    | Phó TGĐ khối Thường trực         | 02/07/2012           |
| 2   | Phạm Hồng Dương    | Phó TGĐ khối Kỹ thuật            | 02/07/2012           |
| 3   | Trương Thị Hồng    | Phó TGĐ khối Tài chính           | 02/07/2012           |
| 4   | Nguyễn Văn Đệ      | Giám đốc khối Tài chính - Đầu tư | 02/07/2012           |
| 5   | Nguyễn Quốc Việt   | Giám đốc khối Hỗ trợ             | 02/07/2012           |
| 6   | Nguyễn Thành Khiêm | Giám đốc khối Nhà máy            | 01/08/2012           |

**Một số thay đổi vị trí khác:**

| STT | Họ tên               | Vị trí  | Ngày nhận quyết định |
|-----|----------------------|---|----------------------|
| 1   | Nguyễn Quốc Việt     | Từ chức Giám đốc khối hỗ trợ  | 01/01/2013           |
| 2   | Kumarasamy Nallaiyan | Bổ nhiệm vị trí Trợ lý PTGD TT thay thế cho vị trí Giám đốc khối Nông nghiệp                              | 15/01/2013           |
| 3   | Đình Văn Hiệp        | Bổ nhiệm vị trí Giám đốc khối Nông nghiệp thay thế cho vị trí Phó giám đốc thường trực - Khối Nông nghiệp | 15/01/2013           |
| 4   | Lê An Khang          | Bổ nhiệm Giám đốc khối hỗ trợ   | 01/02/2013           |
| 5   | Phạm Hồng Dương      | Từ chức Phó TGĐ Kỹ thuật  | 01/03/2013           |

**PHẦN 2. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013:****1. Một số nhiệm vụ chính trong năm 2013:****1.1 Nông nghiệp:**

- Dựa trên Quy hoạch của UBND tỉnh Tây Ninh, Công ty triển khai duy trì vùng nguyên liệu hiện có và mở rộng diện tích vùng nguyên liệu tiềm năng trong và ngoài tỉnh.

- Ban hành các chính sách khuyến khích đầu tư nông nghiệp, đặc biệt chú trọng phát triển nguyên liệu tại địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Nâng cao công tác khuyến nông nhằm cải thiện năng suất, chất lượng mía. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến các chính sách đến người trồng mía, tiếp tục thực hiện khảo nghiệm các lại giống mía mới và thử nghiệm các loại phân bón để nâng cao sản lượng, chữ đường.

- Tăng cường cơ giới hóa nông nghiệp để tiết kiệm chi phí đầu tư cho nông dân, góp phần giảm giá thành cây mía nhằm hướng đến gia tăng năng lực cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập.

- Đầu tư thêm cấu trúc hạ tầng trọng yếu: kênh tưới, kênh tiêu, đường vận chuyển mía... trong vùng quy hoạch. Đồng thời tăng cường công tác khuyến nông để bà con nông dân có đầy đủ thông tin về phát triển cây mía cũng như nắm bắt các chính sách kịp thời.

- Xây dựng các cánh đồng mẫu lớn làm nền tảng sản xuất trồng mía trong tương lai.

**1.2 Công nghiệp:**

- Đầu tư lò hơi sử dụng nguồn nguyên liệu BIOMASS để gia tăng luyện đường thô ngoài vụ sản xuất và phát điện với mức đầu tư dự kiến 280 tỷ đồng và sản lượng đường tinh luyện đạt trên 100.000 tấn/năm từ đường thô.

- Nghiên cứu khả thi dự án cồn nhiên liệu (ethanol) công suất 12.000.000 – 15.000.000 lít/năm để đầu tư trong năm 2014.

**1.3 Nhân sự:**

- Tăng cường công tác đào tạo quản trị nguồn nhân lực, chú trọng về chất.

- Rà soát, sửa đổi Quy chế thi đua khen thưởng cho phù hợp với thực tế, thiết lập lại các biểu mẫu, tiêu chí thi đua.

- Đào tạo phát triển CBCNV nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, đào tạo đội ngũ kế thừa chú trọng phát huy thế mạnh việc đào tạo nội bộ.

- Chuẩn hóa hệ thống các quy trình, quy định

**1.4 Thương mại:**

- Tiếp tục xây dựng thương hiệu đường RE của SBT là thương hiệu mạnh, đáp ứng yêu cầu cao của các doanh nghiệp sử dụng đường làm nguyên liệu sản xuất thông qua giá bán, chất lượng ổn định, dịch vụ phục vụ theo yêu cầu của khách hàng.

- Đưa thương hiệu đường của SBT thâm nhập thị trường thế giới thông qua việc nhập đường thô và sản xuất xuất khẩu để nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo tiền đề cho SBT hội nhập với sản xuất đường của thế giới.

**1.5 Các nhiệm vụ khác:**

- Tăng cường công tác thu hồi nợ tại Công ty Bourbon An Hòa (BAC), cũng như tìm kiếm giải pháp giải quyết các vấn đề tồn tại của BAC.

- Cơ cấu lại danh mục đầu tư và duy trì đầu tư chiến lược chủ yếu vào ngành mía đường và các ngành có liên quan đến sản xuất mía đường hoặc sản phẩm sau đường.



NGUYỄN BÁ CHỦ

**Báo cáo hoạt động**

Báo cáo của Ban điều hành  
**Báo cáo của Hội đồng quản trị**  
 Báo cáo của Ban kiểm soát

**Báo cáo của Hội đồng Quản trị**

Năm 2012 là một năm khó khăn của nền kinh tế Việt Nam, từ những khó khăn kinh tế vĩ mô đến khó khăn của Doanh nghiệp và các hộ gia đình.

Kinh tế thế giới năm 2012 trải qua rất nhiều “nốt trầm” và bị hạ mức dự báo tăng trưởng nhiều lần trong năm. Châu Âu vẫn chìm trong cuộc khủng hoảng nợ công dai dẳng ba năm qua, kinh tế Mỹ tăng trưởng rất chậm và tỷ lệ thất nghiệp vẫn duy trì ở mức cao, Nhật Bản đang đứng trước nguy cơ suy thoái lần thứ 5 trong 15 năm qua. Các nền kinh tế mới nổi tăng trưởng khá nhanh như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil đều tăng trưởng chậm lại không giữ được “phong độ”.

Tốc độ tăng GDP năm 2012 chỉ đạt hơn 5,03% (thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây), chỉ cao hơn so với tốc độ tăng trưởng 4,77% năm 1999 nhưng lại thấp hơn cả tốc độ tăng 5,32% năm 2009. Tốc độ tăng GDP năm 2012 không đạt được mục tiêu tăng trưởng đặt ra ban đầu 6,0 - 6,5%.

Năm 2012, trước bối cảnh khó khăn của nền kinh tế, với trách nhiệm là Cơ quan quản lý Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn, như sau:

**1. Hoạt động của HĐQT**

Năm 2012, HĐQT đã tổ chức 10 phiên họp thường kỳ và 17 phiên họp đột xuất để đưa ra các chủ trương, định hướng và giải pháp kịp thời giúp Công ty hoạt động hiệu quả.

Quá trình thực hiện mục tiêu năm 2012, HĐQT luôn tập trung chỉ đạo xuyên suốt kế hoạch nguyên liệu, xem đây là nhiệm vụ hàng đầu, mang tính sống còn của Công ty. Đồng thời, thực hiện đồng bộ các giải pháp:

- Tái cấu trúc Công ty, thành lập thêm Khối Hỗ trợ, hoàn thiện hệ thống phân công, phân nhiệm và ủy quyền, xây dựng và hoàn thiện quy trình, quy chế, quy định để tăng cường công tác quản trị và hoàn thiện hệ thống quản lý. Thực hiện phương châm Quản trị tập trung và Điều hành khoa học.

- Đề ra các chủ trương về công tác tuyển dụng, chính sách lương thưởng, sử dụng nguồn nhân lực và chính sách nhân sự để TGD hoàn thiện và cải tiến tốt hơn.

- Về lĩnh vực Tài chính - Đầu tư: Giám sát chi phí đầu tư dự án nâng công suất Nhà máy lên 9.800 TMN. Việc tổ chức hoạt động và trồng mía tại trại mía giống Bourbon Bến Cầu, thực hiện dự án Affinage, chuẩn bị dự án xây dựng nhà máy sản xuất ethanol, xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển giai đoạn 2012 – 2016 nhằm đảm bảo mục tiêu kinh doanh.

- Hoàn thiện hệ thống Công nghệ thông tin, triển khai áp dụng việc xây dựng kế hoạch Công ty, kế hoạch hành động, kế hoạch ngân sách và theo dõi kết quả thực hiện trên phần mềm chuyên dụng.

- Về lĩnh vực Nông nghiệp: Xây dựng cơ chế chính sách đầu tư phát triển vùng nguyên liệu theo vùng quy hoạch, đẩy mạnh chính sách đầu tư cơ giới hóa đồng ruộng từ khâu trồng và chăm sóc đến khâu thu hoạch (năm 2012, SBT đã đầu tư 16 máy bốt mía và 1 máy thu hoạch mía nhập từ nước ngoài), xây dựng chính sách và vận hành mô hình cánh đồng mẫu lớn để tăng quy mô diện tích, tỷ trọng cơ giới hóa, năng suất và chữ đường cho toàn vùng mía nhằm đảm bảo nhu cầu, tiêu chuẩn nguyên liệu và nâng cao thu nhập của người dân trồng mía, đưa công nghiệp hóa và hiện đại hóa đến với bà con nông dân trồng mía. Giám sát công tác đầu tư và thu hồi công nợ nguyên liệu.

- Lĩnh vực Thương mại: Củng cố và mở rộng khách hàng công nghiệp trong nước, mở rộng xuất khẩu ra các nước trong khu vực châu Á & Trung Đông nhằm hội nhập và nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Mặt khác, HĐQT đã coi trọng việc xây dựng và thực thi chính sách kiểm tra, kiểm soát; tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ - chính sách và công cụ quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh và đầu tư. Nhìn chung, năm 2012 HĐQT đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành tốt và toàn diện các mục tiêu kế hoạch



Thành viên Hội đồng Quản trị

theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), tạo nên thành quả hoạt động kinh doanh rất ấn tượng trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam năm 2012 còn nhiều khó khăn và biến động. HĐQT nhận thấy hoạt động của Công ty ngày càng phát triển ổn định, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng cao. Tuy nhiên, HĐQT cũng nhìn thấy những mặt chưa đủ mạnh so với nhu cầu phát triển và hội nhập. Từ đó, đề ra các giải pháp khắc phục để khai thác thế mạnh và tiềm năng của SBT.

Năm qua, do HĐQT đã thỏa thuận được với Tập đoàn Bourbon Pháp gia hạn thời hạn đổi tên cho SBT đến tháng 7/2013, vì vậy việc đổi tên Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2011 chưa thực hiện và báo cáo ĐHĐCĐ sẽ tiếp tục thực hiện việc đổi tên Công ty trong năm 2013.

**2. Kết quả giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành**

Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên HĐQT được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc. Ngoài các phiên họp định kỳ hàng tháng, Ban Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh.

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, có

những cải tiến hợp lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Năm 2012, Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã giao phó dưới sự chỉ đạo, giám sát thường xuyên của Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị. Đã hoàn thành kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị, đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ về sản xuất và môi trường. Đã đạt được “Giải vàng chất lượng quốc gia”.

Ban Tổng giám đốc cũng có những đề xuất, chính sách khen thưởng kịp thời nhằm động viên tinh thần cống hiến, hăng say làm việc của người lao động.

Với sự lãnh đạo tập trung và xuyên suốt của HĐQT, Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh đã phấn đấu hoàn thành hầu như toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2012 với nhịp độ tăng trưởng cao.

- Tổng sản lượng mía ép cả năm đạt 929.678 tấn, so với kế hoạch đạt 111 % .

- Đường thô nguyên liệu đạt 38.851 tấn, so với kế hoạch đạt 144%.

- Sản lượng đường tiêu thụ đạt 100.436 tấn, so với kế hoạch đạt 117%.

- Tổng doanh thu (gồm phụ phẩm) đạt 1.962.752 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 108%.

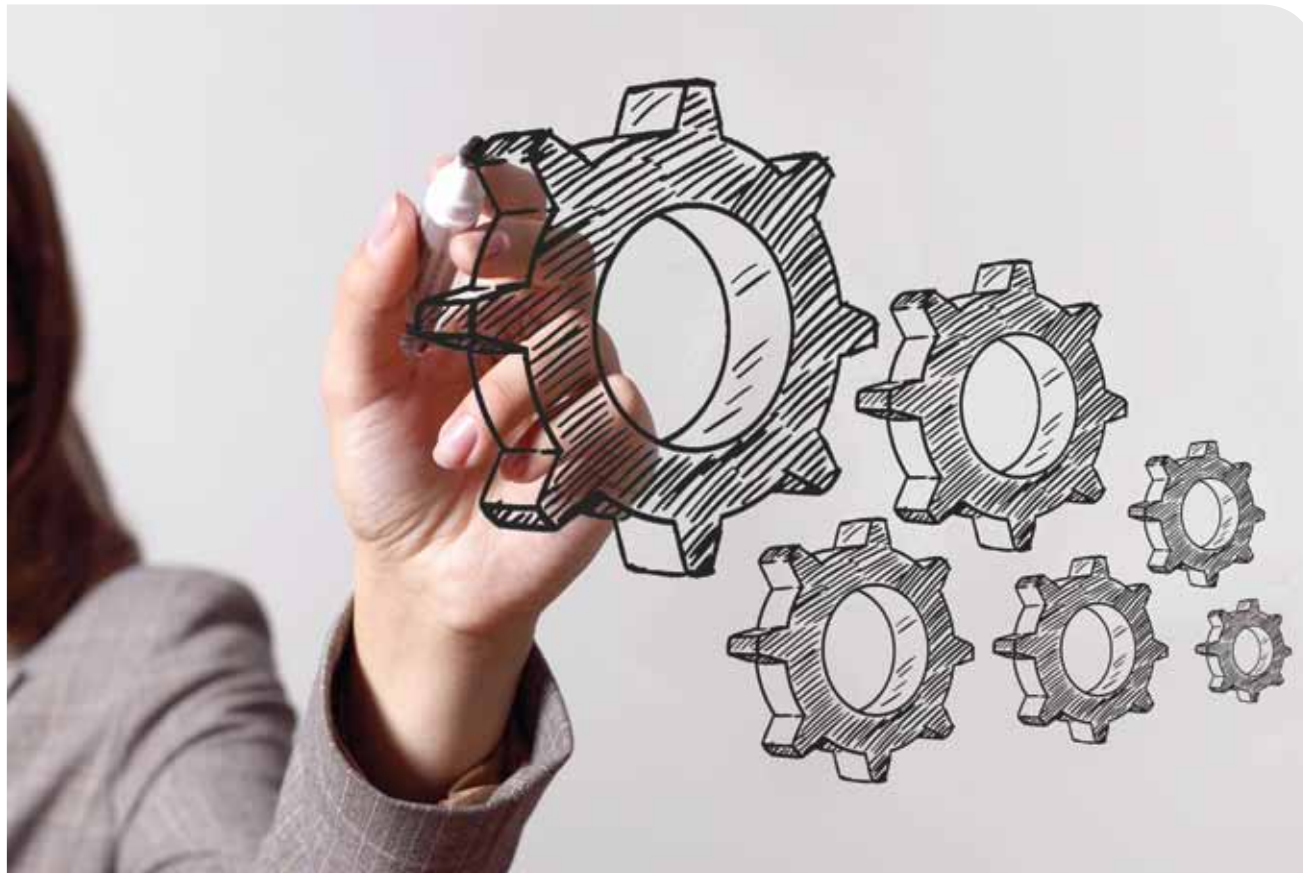
- Lợi nhuận trước thuế đạt 422.271 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 105 %.

**Báo cáo hoạt động**

Báo cáo của Ban điều hành  
**Báo cáo của Hội đồng quản trị**  
 Báo cáo của Ban kiểm soát

## Báo cáo của Hội đồng Quản trị

(tiếp theo)



### 3. Tình hình chi trả thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2012:

Công ty tiến hành chi trả thù lao và chi phí hoạt động cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Số tiền thù lao thuần đã chi trong năm 2012 như sau:

| STT | Chức danh            | Số người | Số tháng | Số tiền (triệu đồng) |
|-----|----------------------|----------|----------|----------------------|
| 1   | Chủ tịch HĐQT        | 1        | 12       | 207,0                |
| 2   | Phó chủ tịch HĐQT    | 1        | 12       | 363,0                |
| 3   | Thành viên HĐQT      | 4        | 12       | 916,9                |
| 4   | Trưởng Ban Kiểm soát | 1        | 12       | 206,7                |
| 5   | Thành viên BKS       | 2        | 12       | 386,1                |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>     |          |          | <b>2.079,7</b>       |

Số tiền chi kinh phí hoạt động: 898,4 triệu đồng.

Tổng số tiền thù lao và kinh phí hoạt động: 2.978,1 triệu đồng (thực hiện 99,3%)

### 4. Tình hình nhân sự

Ngày 1/11/2012, thành viên HĐQT là bà Huỳnh Bích Ngọc xin từ nhiệm vì lý do cá nhân. Để đảm bảo các công tác của HĐQT được sâu sát và kịp thời, HĐQT đã quyết định bổ nhiệm thành viên HĐQT thay thế cho bà Huỳnh Bích Ngọc là Ông Thái Văn Chuyện (bổ nhiệm ngày 1/11/2012).

Ngày 28/2/2013, thành viên HĐQT là bà Trần Quế Trang xin từ nhiệm vì lý do cá nhân. Để đảm bảo các công tác của HĐQT được sâu sát và kịp thời, HĐQT đã quyết định bổ nhiệm thành viên HĐQT thay thế cho bà Trần Quế Trang là ông Phạm Hồng Dương (bổ nhiệm ngày 1/3/2013).

### 5. Kế hoạch của HĐQT năm 2013

Trong năm 2013, HĐQT xây dựng kế hoạch hoạt động, như sau:

- Tăng cường công tác giám sát kế hoạch để có những chỉ đạo sát sao và kịp thời cho việc thực hiện kế hoạch 2013.
- Tập trung công tác phát triển vùng nguyên liệu cả về số lượng và chất lượng. Tập trung vận hành và phát triển mô hình cánh đồng mẫu lớn, đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp. Cử nhân sự của Công ty tham gia công tác Quản trị điều hành Trung tâm nghiên cứu ứng dụng mía đường Thành Thành Công nhằm phục vụ công tác phân tích đất, phục tráng và phát triển mía giống. Triển khai xây dựng sơ đồ giống mía phù hợp cho từng vùng nguyên liệu để kéo dài thời gian sản xuất, nâng cao chất lượng cây mía. Tiếp tục duy trì và phát triển chính sách đầu tư, thu mua hợp lý nhằm khuyến khích người dân gắn bó với cây mía, quản lý lịch đồn chặt khoa học và thông tin rộng rãi đến bà con nông dân trồng mía. Thực hiện phương châm SBT luôn là đồng hành cùng người dân trồng mía phát triển.
- Chỉ đạo công tác nghiên cứu, hoàn thiện dự án khả thi đầu tư nhà máy sản xuất ethanol, thực hiện dự án hợp tác đầu tư trồng mía và nghiên cứu khả thi dự án

đầu tư nhà máy đường Svayrieng – Vương quốc Campuchia.

- Chỉ đạo và giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện Trại mía giống Bourbon Bến Cầu thành trại mía kiểu mẫu, đi đầu trong việc áp dụng các phương pháp mới, cơ giới hóa từ khâu trồng, chăm sóc đến khi thu hoạch.
  - Mở rộng quan hệ với các đối tác chiến lược nhằm khai thác, phát triển tiềm năng và lợi thế của SBT.
  - Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý, đào tạo nhân sự và đặc biệt chú trọng phát triển đội ngũ nhân sự kế thừa.
  - Đối với dự án Trung tâm thương mại Espace Bourbon Tây Ninh, tiếp tục đàm phán với đối tác có nhu cầu chuyển nhượng dự án theo yêu cầu từ UBND tỉnh Tây Ninh.
  - Tổ chức các phiên họp thường kỳ ít nhất mỗi quý 1 lần để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông.
- Với mục tiêu, giải pháp chủ yếu nêu trên, HĐQT chúng tôi tin rằng SBT hoàn toàn có khả năng hoàn thành tốt nhất kế hoạch năm 2013 và triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu tăng trưởng cho những năm tiếp theo.

Thay mặt Hội đồng Quản trị  
 CÔNG TY CỔ PHẦN  
**BOURBON**  
 TÂY NINH  
 H. KÈM CHAU, T. TÂY NINH  
  
 Đặng Huỳnh Úc My  
 Chủ tịch

**Báo cáo hoạt động**

Báo cáo của Ban điều hành  
Báo cáo của Hội đồng quản trị  
**Báo cáo của Ban kiểm soát**

**Báo cáo của Ban Kiểm soát****PHẦN I – TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Căn cứ vào kế hoạch hành động của Ban kiểm soát (BKS) trong năm 2012, BKS đã thực hiện nhiệm vụ với các nội dung như sau :

**a. Kiểm tra tính tuân thủ:**

Trong năm 2012, BKS cũng đã đề ra các chương trình hành động cụ thể, trong đó chú trọng công tác giám sát và phối hợp với Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Điều hành (BDH) trên tinh thần tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012, Quy trình - Quy chế hoạt động và các quy định Pháp luật.

Qua quá trình kiểm tra, BKS nhận thấy các hoạt động Công ty đều phù hợp với giấy đăng ký kinh doanh, Điều lệ và tuân thủ quy định của Pháp luật, chế độ quản lý của Nhà nước, chế độ tài chính kế toán. Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước; trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

BKS cũng xem xét mức độ phù hợp của các Quyết định của HĐQT, BDH trong công tác quản lý, điều hành; kiểm soát trình tự ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

**b. Kiểm soát hoạt động:**

Công ty đã hoàn tất việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2011; chi trả thù lao (HĐQT), BKS; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh và thực hiện hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 với Công ty TNHH KPMG Việt Nam theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 đề ra.

Đối với mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, Công ty luôn chú trọng giữ vững uy tín, sử dụng các nguồn vốn vay đúng mục đích, phục vụ hiệu quả cho hoạt động kinh doanh, trả nợ gốc và lãi vay đúng kỳ hạn.

Thông qua các cuộc kiểm tra, BKS xem xét đánh giá các hoạt động trọng yếu của Công ty, đặc biệt là hoạt động Nông nghiệp. BKS đã có những khuyến nghị - giải pháp điều chỉnh những thiếu sót trong công tác quản trị, điều hành nhằm hạn chế rủi ro đồng thời góp ý định hướng mục tiêu kế hoạch kinh doanh, xây dựng các quy trình – quy định sao cho có thể kiểm soát ở mức tốt nhất các rủi ro có thể phát sinh trong tương lai.

**c. Kiểm tra báo cáo tài chính:**

BKS đã thực hiện việc thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm của Công ty trong năm tài chính 2012. BKS kiểm tra các quy trình lập hoá đơn, chứng từ và các bộ hồ sơ liên quan, phương pháp ghi sổ kế toán, tổng hợp thông tin và trình bày trên báo cáo tài chính, báo cáo quản trị và quy định về lưu trữ chứng từ kế toán để qua đó xác nhận về tính trung thực, hợp lý của các tài liệu, số liệu kế toán và báo cáo tài chính.

Qua một năm thực hiện nhiệm vụ, BKS và Phòng Kiểm soát nội bộ (KSNB) được sự tin nhiệm của HĐQT về các ý kiến đóng góp cho Công ty; hỗ trợ tốt cho BDH thông qua các nội dung khuyến nghị của BKS và đã được BDH ghi nhận, thống nhất chấn chỉnh để công tác quản lý tốt hơn.

**PHẦN II – THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012****I. Kết quả kinh doanh năm 2012**

Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được lập kịp thời và đầy đủ theo đúng quy định về Hệ thống kế toán doanh nghiệp, phù hợp với Chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành của Chế độ kế toán Việt Nam; Các số liệu phản ánh trên báo cáo tài chính năm 2012 đã thể hiện rõ ràng, trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

| Chỉ tiêu                           | ĐVT     | Thực hiện | Kế hoạch  | %     |
|------------------------------------|---------|-----------|-----------|-------|
| <b>SẢN LƯỢNG</b>                   |         |           |           |       |
| 1. Sản lượng mía ép                | Tấn     | 929.678   | ≥ 840.000 | 110,7 |
| 2. Sản lượng đường thô nguyên liệu | Tấn     | 38.851    | ≥ 27.000  | 143,9 |
| 3. Sản lượng đường tiêu thụ        | Tấn     | 100.436   | 85.900    | 116,9 |
| <b>KẾT QUẢ KINH DOANH</b>          |         |           |           |       |
| Tổng doanh thu và thu nhập khác    | Tỷ đồng | 1.962,7   | 1.810     | 108,4 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế       | Tỷ đồng | 422,27    | 400       | 105,6 |

**Báo cáo hoạt động**

Báo cáo của Hội đồng Quản trị  
Báo cáo của Ban Điều hành  
**Báo cáo của Ban Kiểm soát**

**Báo cáo của Ban Kiểm soát**

(tiếp theo)

**II. Về công tác quản trị - điều hành**

Trước những khó khăn của nền kinh tế, HĐQT và BĐH đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHCĐ để triển khai các nhiệm vụ cụ thể. BĐH căn cứ nghị quyết, quyết định của HĐQT triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời và có những ứng xử linh hoạt để đạt được kết quả tốt nhất. BKS thống nhất với nội dung báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh mà BĐH đã trình bày, đồng thời đánh giá cao những cố gắng của BĐH trong tổ chức triển khai các hoạt động của Công ty, cũng như có những ứng phó nhanh chóng, kịp thời với những biến động của thị trường trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế. Với kết quả đạt được, Công ty đã minh chứng vị thế của mình luôn là đơn vị dẫn đầu trong ngành mía đường.

**III. Kiến nghị**

Đối với hoạt động của Công ty, BKS có một số đóng góp ý kiến sau :

BĐH cần quan tâm nhiều hơn công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản lập quy góp phần hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, kiện toàn công tác quản lý Công ty; tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của các phòng ban thông qua công tác tái cấu trúc, hoàn chỉnh cơ chế nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định, kiểm soát tốt các rủi ro trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để khai thác hết công suất hiện có của nhà máy, Công ty cần quan tâm hơn nữa công tác đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu mía bằng các giải pháp thiết thực và phù hợp. Khẩn trương xây dựng giải pháp, kế hoạch thu hoạch vụ 2013 – 2014 hữu hiệu, hạn chế tối đa tình trạng mía cháy – khô nhằm đảm bảo tiêu chuẩn nguyên liệu đưa vào sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động của thiết bị hiện đại.

Đối với những vùng nguyên liệu xa nhà máy như Bình Phước, Campuchia thì cũng nên quan tâm nhiều hơn công tác quản lý, chăm sóc vùng nguyên liệu sao cho nguồn vốn đầu tư có thể mang lại hiệu quả cao nhất, hạn chế tối đa phát sinh nợ xấu.

Việc mở rộng vùng nguyên liệu phải đi kèm với công tác giống, do đó Công ty nên tạo điều kiện nhiều hơn cho các Trại mía giống phát huy vai trò tiên phong trong việc cung cấp các giống mía có năng suất cao và chất lượng tốt. Đối với công tác nhân sự: cần tiêu chuẩn hoá các vị trí công tác và nghiệp vụ quản lý của CBNV làm cơ sở phát triển vị trí và nghề nghiệp của nhân sự. Tăng cường công tác đào tạo chuyên môn cho CBNV để mang lại hiệu quả làm việc cao nhất.

Đối với công tác kinh doanh, cần theo dõi và tiên liệu diễn biến thị trường đường để có kế hoạch tiêu thụ phù hợp đạt hiệu quả cao; chú trọng công tác chất lượng sản phẩm nhằm giữ vững uy tín của thương hiệu mà Công ty đã nỗ lực xây dựng trong suốt gần 20 năm qua.

Cuối cùng, thay mặt BKS, tôi xin chân thành cảm ơn HĐQT, BĐH và các Phòng ban nghiệp vụ Công ty đã luôn tạo điều kiện tốt nhất để chúng tôi hoàn thành tốt vai trò của mình trong năm qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



**NGUYỄN THÙY VÂN**



**Báo cáo tài chính****Thông tin chung**

Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
 Thuyết minh báo cáo tài chính

**Thông tin chung****GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ**

Số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ**

Số 451033000014 cấp ngày 23 tháng 3 năm 2007

Giấy phép đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh mười một lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 451033000014 ngày 24 tháng 10 năm 2012. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                      |              |   |
|----------------------|--------------|---|
| Bà Đặng Huỳnh Ước My | Chủ tịch     | (từ ngày 12 tháng 4 năm 2012)                                 |
| Bà Huỳnh Bích Ngọc   | Chủ tịch     | (đến ngày 12 tháng 4 năm 2012)                                |
| Ông Lê Văn Dĩnh      | Phó Chủ tịch |   |
| Bà Huỳnh Bích Ngọc   | Thành viên   | (từ ngày 12 tháng 4 năm 2012<br>đến ngày 1 tháng 11 năm 2012) |
| Ông Võ Tông Xuân     | Thành viên   | (từ ngày 12 tháng 4 năm 2012)                                 |
| Bà Trần Quế Trang    | Thành viên   | (từ ngày 12 tháng 4 năm 2012)                                 |
| Ông Thái Văn Chuyện  | Thành viên   | (từ ngày 1 tháng 11 năm 2012)                                 |

**BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                          |                           |                              |
|--------------------------|---------------------------|------------------------------|
| Ông Nguyễn Bá Chủ        | Tổng Giám đốc             |                              |
| Ông Trịnh Minh Châu      | Phó Tổng Giám đốc         | (từ ngày 2 tháng 7 năm 2012) |
| Ông Phạm Hồng Dương      | Phó Tổng Giám đốc         | (từ ngày 2 tháng 7 năm 2012) |
| Bà Trương Thị Hồng       | Phó Tổng Giám đốc         | (từ ngày 2 tháng 7 năm 2012) |
| Ông Kumarasamy Nallaiyan | Giám đốc Nông nghiệp      |                              |
| Bà Dương Thị Tô Châu     | Giám đốc Thương Mại       |                              |
| Ông Nguyễn Văn Đệ        | Giám đốc Tài chính Đầu tư | (từ ngày 2 tháng 7 năm 2012) |
| Ông Nguyễn Quốc Việt     | Giám đốc Hỗ trợ           | (từ ngày 2 tháng 7 năm 2012) |
| Ông Nguyễn Thanh Khiêm   | Giám đốc Nhà máy          | (từ ngày 1 tháng 8 năm 2012) |

**TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ**

Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH KPMG, Việt Nam

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh ("Công ty") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 42 đến trang 94 được lập và trình bày đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Hội đồng Quản trị  
  
 Đặng Huỳnh Ước My

Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2013

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
**Báo cáo kiểm toán độc lập**  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
 Thuyết minh báo cáo tài chính

**Báo cáo Kiểm toán Độc lập**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
**Báo cáo kiểm toán độc lập**  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
 Thuyết minh báo cáo tài chính

**Báo cáo Kiểm toán Độc lập**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh****Phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 42 đến 94. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và báo cáo kiểm toán phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2012 trình bày ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

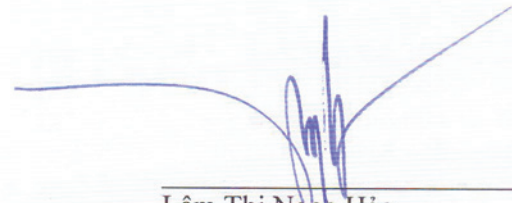
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán: 12-01-245



Chang Hung Chun  
 Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV  
 Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, ngày 15 tháng 3 năm 2013



Lâm Thị Ngọc Hào  
 Chứng chỉ kiểm toán viên số N0866/KTV



**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
**Bảng cân đối kế toán**  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
 Thuyết minh báo cáo tài chính

**Bảng cân đối kế toán**

ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 - DN

VNĐ

| Mã số      | Tài sản  | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
|            | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                     |             | <b>1.421.289.426.760</b> | <b>1.009.833.787.650</b> |
| <b>100</b> | <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>     |             |                          |                          |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>   | <b>5</b>    | <b>110.669.897.291</b>   | <b>88.725.909.901</b>    |
| 111        | 1. Tiền  |             | 110.669.897.291          | 68.725.909.901           |
| 112        | 2. Các khoản tương đương tiền                  |             | -                        | 20.000.000.000           |
| <b>120</b> | <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b> | <b>11</b>   | <b>202.458.604.234</b>   | <b>90.358.494.207</b>    |
| 121        | 1. Các khoản đầu tư ngắn hạn                   |             | 297.983.547.843          | 90.358.494.207           |
| 129        | 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn           |             | (95.524.943.609)         | -                        |
| <b>130</b> | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>6</b>    | <b>729.502.883.593</b>   | <b>547.632.290.503</b>   |
| 131        | 1. Phải thu khách hàng                         |             | 264.032.376.939          | 180.726.157.576          |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán                     |             | 418.517.643.528          | 237.403.931.948          |
| 135        | 3. Các khoản phải thu khác                     |             | 69.995.237.367           | 148.040.363.820          |
| 139        | 4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi         |             | (23.042.374.241)         | (18.538.162.841)         |
| <b>140</b> | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                        |             | <b>339.388.288.019</b>   | <b>280.342.522.032</b>   |
| 141        | 1. Hàng tồn kho                                | 7           | 339.630.844.906          | 280.585.078.919          |
| 142        | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho              |             | (242.556.887)            | (242.556.887)            |
| <b>150</b> | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                |             | <b>39.269.753.623</b>    | <b>2.774.571.007</b>     |
| 151        | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                  |             | 34.332.668.947           | 70.400.000               |
| 154        | 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước    |             | 2.357.450.779            | -                        |
| 158        | 3. Tài sản ngắn hạn khác                       |             | 2.579.633.897            | 2.704.171.007            |

Mẫu B 01 - DN

VNĐ

| Mã số      | Tài sản  | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
|            | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      |             | <b>1.213.104.199.105</b> | <b>1.295.954.739.048</b> |
| <b>200</b> | <b>(200 = 220 + 240 + 250 + 260)</b>           |             |                          |                          |
| <b>210</b> | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>           | <b>6</b>    | <b>54.686.136.164</b>    | <b>60.589.093.860</b>    |
| 218        | 1. Phải thu dài hạn khác                       |             | 54.686.136.164           | 60.589.093.860           |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>                     |             | <b>645.580.386.104</b>   | <b>652.896.228.436</b>   |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình                    | 8           | 540.043.448.468          | 572.696.054.745          |
| 222        | 2. Nguyên giá                                  |             | 1.613.205.566.904        | 1.567.028.535.911        |
| 223        | 3. Giá trị hao mòn lũy kế                      |             | (1.073.162.118.436)      | (994.332.481.166)        |
| 227        | 4. Tài sản cố định vô hình                     | 9           | 42.665.949.536           | 43.370.687.586           |
| 228        | 5. Nguyên giá                                  |             | 51.212.046.019           | 50.462.084.019           |
| 229        | 6. Giá trị hao mòn lũy kế                      |             | (8.546.096.483)          | (7.091.396.433)          |
| 230        | 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             | 10          | 62.870.988.100           | 36.829.486.105           |
| <b>250</b> | <b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b> | <b>11</b>   | <b>499.582.134.384</b>   | <b>576.300.359.200</b>   |
| 252        | 1. Đầu tư vào các công ty liên kết             |             | 435.754.797.123          | 374.530.737.123          |
| 258        | 2. Đầu tư dài hạn khác                         |             | 94.887.933.904           | 238.109.023.033          |
| 259        | 3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn  |             | (31.060.596.643)         | (36.339.400.956)         |
| <b>260</b> | <b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>                |             | <b>13.255.542.453</b>    | <b>6.169.057.552</b>     |
| 261        | 1. Chi phí trả trước dài hạn                   | 12          | 7.843.741.131            | -                        |
| 262        | 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại              | 13          | 5.273.753.022            | 6.031.009.252            |
| 268        | 3. Tài sản dài hạn khác                        |             | 138.048.300              | 138.048.300              |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                       |             | <b>2.634.393.625.865</b> | <b>2.305.788.526.698</b> |
|            | <b>(270 = 100 + 200)</b>                       |             |                          |                          |

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
**Bảng cân đối kế toán**  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
 Thuyết minh báo cáo tài chính

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 01 - DN**

VNĐ

| Mã số      | Nguồn vốn                                    | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>300</b> | <b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>      |             | <b>938.635.369.571</b>   | <b>511.626.764.665</b>   |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                        |             | <b>889.469.256.095</b>   | <b>487.564.491.665</b>   |
| 311        | 1. Vay ngắn hạn                              | 14          | 714.178.138.970          | 327.803.035.686          |
| 312        | 2. Phải trả người bán                        |             | 41.460.174.576           | 55.182.662.872           |
| 313        | 3. Người mua trả tiền trước                  | 15          | 29.752.623.024           | 29.003.589.245           |
| 314        | 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước       | 16          | 4.980.685.467            | 18.269.723.234           |
| 315        | 5. Phải trả người lao động                   |             | 9.431.820.585            | 120.004.713              |
| 316        | 6. Chi phí phải trả                          | 17          | 60.051.144.927           | 36.537.488.645           |
| 319        | 7. Các khoản phải trả khác                   | 18          | 19.174.814.536           | 19.188.763.036           |
| 323        | 8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi               | 19          | 10.439.854.010           | 1.459.224.234            |
| <b>330</b> | <b>II. Vay và nợ dài hạn</b>                 |             | <b>49.166.113.476</b>    | <b>24.062.273.000</b>    |
| 334        | 1. Vay dài hạn                               | 20          | 49.166.113.476           | 17.897.563.000           |
| 337        | 2. Dự phòng trợ cấp thôi việc                | 21          | -                        | 6.164.710.000            |
| <b>400</b> | <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>      |             | <b>1.695.758.256.294</b> | <b>1.794.161.762.033</b> |
| <b>410</b> | <b>III. Vốn chủ sở hữu</b>                   | <b>22</b>   | <b>1.695.758.256.294</b> | <b>1.794.161.762.033</b> |
| 411        | 1. Vốn cổ phần                               | 23          | 1.419.258.000.000        | 1.419.258.000.000        |
| 412        | 2. Thặng dư vốn cổ phần                      | 23          | 7.594.294.697            | -                        |
| 414        | 3. Cổ phiếu quỹ                              | 23          | (129.471.347.730)        | (139.395.212.895)        |
| 417        | 4. Quỹ đầu tư phát triển                     |             | 60.085.099.152           | 4.786.442.297            |
| 418        | 5. Quỹ dự phòng tài chính                    |             | 69.054.070.682           | 41.404.742.255           |
| 420        | 6. Lợi nhuận chưa phân phối                  |             | 269.238.139.493          | 468.107.790.376          |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b> |             | <b>2.634.393.625.865</b> | <b>2.305.788.526.698</b> |

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Mẫu B 01 - DN**

VNĐ

| Chỉ Tiêu   | Số cuối năm                | Số đầu năm                 |
|--|----------------------------|----------------------------|
| Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba, hoặc nhận gia công (KG) | 6.679.726<br>4.868.349.860 | 1.921.902<br>4.874.675.042 |
| Nợ khó đòi đã xử lý (VND)  | 6.601                      | 94.533                     |
| Ngoại tệ (USD)   | 500                        | -                          |
| Ngoại tệ (EUR)   |                            |                            |

Người lập:



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



NGUYỄN BÁ CHỦ  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
 Thuyết minh báo cáo tài chính

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 - DN

VNĐ

| Mã số | Chi Tiêu   | Thuyết minh | Năm nay           | Năm trước         |
|-------|--|-------------|-------------------|-------------------|
| 01    | Tổng doanh thu   | 26          | 1.962.751.919.403 | 2.052.983.452.900 |
| 02    | Các khoản giảm trừ doanh thu   | 26          | 1.923.036.716     | 2.677.734.927     |
| 10    | Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)   | 26          | 1.960.828.882.687 | 2.050.305.717.973 |
| 11    | Giá vốn hàng bán   | 27          | 1.590.813.929.308 | 1.446.936.820.298 |
| 20    | Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)   |             | 370.014.953.379   | 603.368.897.675   |
| 21    | Doanh thu hoạt động tài chính  | 28          | 313.208.759.969   | 128.915.675.089   |
| 22    | Chi phí tài chính  | 29          | 171.775.061.039   | 99.596.419.764    |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay  |             | 75.345.627.183    | 48.666.079.483    |
| 24    | Chi phí bán hàng   |             | 40.496.493.149    | 25.351.501.888    |
| 25    | Chi phí quản lý doanh nghiệp   |             | 56.957.642.859    | 38.387.005.167    |
| 30    | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh<br>{30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)} |             | 413.994.516.301   | 568.949.645.945   |
| 31    | Thu nhập khác  |             | 20.142.772.720    | 7.492.907.226     |
| 32    | Chi phí khác   |             | 11.866.245.096    | 5.456.192.196     |
| 40    | Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)                                 |             | 8.276.527.624     | 2.036.715.030     |
| 50    | Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)  |             | 422.271.043.925   | 570.986.360.975   |
| 51    | Chi phí thuế TNDN hiện hành  | 30          | 51.380.336.886    | 24.030.801.680    |
| 52    | Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại   | 30          | 757.256.230       | (6.031.009.252)   |
| 60    | Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)                                       |             | 370.133.450.809   | 552.986.568.547   |
| 70    | Lãi cơ bản trên cổ phiếu   | 31          | 2.890             | 4.027             |

Người lập:

NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN  
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người duyệt:



NGUYỄN BÁ CHỦ  
Tổng Giám đốc

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**  
 Thuyết minh báo cáo tài chính

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03 - DN

VNĐ

| Mã số   | Chi Tiêu  | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước              |
|---|---|-------------|--------------------------|------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b> |   |             |                          |                        |
| 01  | Lợi nhuận trước thuế  |             | 422.271.043.925          | 570.986.360.975        |
| <b>Điều chỉnh cho các khoản</b>                   |   |             |                          |                        |
| 02  | Khấu hao và phân bổ   |             | 81.280.057.510           | 77.372.853.128         |
| 03  | Các khoản dự phòng  |             | 101.701.159.171          | 22.394.856.930         |
| 05  | Lãi từ thanh lý tài sản cố định                                     |             | (603.892.001)            | -                      |
| 05  | (Lãi)/ lỗ từ bán đầu tư chứng khoán                                 |             | (185.554.905.691)        | 47.494.859.522         |
| 05  | Lãi tiền gửi ngân hàng và khoản vay cấp cho các bên liên quan khác  |             | (62.578.016.862)         | (9.158.460.705)        |
| 05  | Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía                       |             | (39.645.920.757)         | (106.045.910.094)      |
| 05  | Thu nhập cổ tức từ đầu tư chứng khoán dài hạn                       |             | (24.935.208.400)         | (11.678.510.239)       |
| 06  | Chi phí lãi vay   |             | 75.345.627.183           | 48.666.079.483         |
| 08  | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động |             | 367.279.944.078          | 640.032.129.000        |
| 09  | Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác               |             | (260.411.056.188)        | (128.074.199.049)      |
| 10  | Biến động hàng tồn kho  |             | (59.045.765.987)         | 15.466.978.581         |
| 11  | Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác                    |             | 6.197.095.553            | 20.473.339.515         |
| 12  | Biến động chi phí trả trước   |             | 4.034.821.963            | (6.658.481.402)        |
|   |   |             | <b>58.055.039.419</b>    | <b>541.239.766.645</b> |
| 13  | Tiền lãi vay đã trả   |             | (79.374.443.157)         | (43.591.651.479)       |
| 14  | Thuế thu nhập đã nộp  |             | (61.609.058.012)         | (31.327.104.828)       |
| 15  | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                               |             | -                        | 78.626.430.000         |
| 16  | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                              |             | (29.334.186.634)         | (107.208.164.120)      |
| 20  | Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh                   |             | <b>(112.262.648.384)</b> | <b>437.739.276.218</b> |

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**  
 Thuyết minh báo cáo tài chính

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03 - DN  
VNĐ

| Mã số  | Chi Tiêu   | Thuyết minh | Năm nay                 | Năm trước                |
|--|--|-------------|-------------------------|--------------------------|
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>         |  |             |                         |                          |
| 21   | Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác                             |             | (89.831.897.139)        | (42.048.870.259)         |
| 22   | Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định   |             | 5.796.676.910           | 352.409.091              |
| 23   | Tiền chi các khoản vay cho các bên liên quan khác                                |             | (202.500.000.000)       | (5.000.000.000)          |
| 24   | Tiền thu từ các khoản vay cho các bên liên quan khác                             |             | 188.406.644.027         | 8.652.000.000            |
| 24   | Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào công ty liên kết và chứng khoán             |             | 374.750.000.000         | 4.800.000.000            |
| 25   | Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác                                      |             | (154.996.215.000)       | (267.639.760.156)        |
| 27   | Tiền thu lãi cho vay và cổ tức   |             | 45.169.624.954          | 21.234.481.904           |
| <b>30</b>  | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>                             |             | <b>166.794.833.752</b>  | <b>(279.649.739.420)</b> |
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |  |             |                         |                          |
| 31   | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu quỹ   |             | 30.450.000.000          | -                        |
| 32   | Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ  |             | (33.231.840.138)        | (133.854.735.607)        |
| 33   | Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được   |             | 2.250.038.686.148       | 1.403.328.314.942        |
| 34   | Tiền chi trả nợ gốc vay  |             | (1.832.395.032.388)     | (1.080.297.963.256)      |
| 36   | Tiền trả cổ tức  |             | (447.450.011.600)       | (385.038.984.290)        |
| <b>40</b>  | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>                          |             | <b>(32.588.197.978)</b> | <b>(195.863.368.211)</b> |
| <b>50</b>  | <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b><br><b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>             |             | <b>21.943.987.390</b>   | <b>(37.773.831.413)</b>  |
| <b>60</b>  | <b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>                                |             | <b>88.725.909.901</b>   | <b>126.499.741.314</b>   |
| <b>70</b>  | <b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b><br><b>(70 = 50 + 60 + 61)</b> | <b>5</b>    | <b>110.669.897.291</b>  | <b>88.725.909.901</b>    |

Mẫu B 03 - DN  
VNĐ

| Mã số   | Chi Tiêu  | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|---|---|-------------|-----------------|-----------------|
| <b>IV. CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b> |   |             |                 |                 |
|   | Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía dưới hình thức bán mía giống         |             | 234.896.606.576 | 9.506.242.500   |
|   | Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía cần trừ với khoản phải trả người bán |             | 265.547.681.575 | 115.814.112.602 |
|   | Lãi phải thu cần trừ với khoản cho các bên liên quan vay                    |             | 93.483.547.843  | -               |
|   | Lãi phải thu cần trừ với khoản phải trả người bán                           |             | 39.971.672.767  | 62.342.750.945  |
|   | Cần trừ tiền mua mía với khoản ứng trước cho nông dân trồng mía             |             | 26.270.547.547  | 6.797.477.271   |
|   | Lãi vay vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản                                 |             | 1.203.666.042   | -               |
|   | Phải thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ                                      |             | 20.300.000.000  | -               |
|   | Phải thu từ bán cổ phiếu của BAC  |             | -               | 52.250.000.000  |

Người lập:


NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN  
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 3 năm 2013

Người duyệt:

NGUYỄN BÁ CHỦ  
Tổng Giám đốc

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO**

Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cón và các sản phẩm phụ sau cón; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008. Trụ sở chính của Công ty tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 810 nhân viên (31/12/2011: 741 nhân viên).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam.

**3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá

**Mẫu B 09 - DN**

hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư****(i) Đầu tư vào công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính này.

Phân phối kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Việc phân phối từ các nguồn ngoại trừ kết quả hoạt động kinh doanh sau ngày được mua lại được xem xét như khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

**(ii) Đầu tư chứng khoán và đầu tư khác**

Đầu tư vào chứng khoán và đầu tư khác được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong năm.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Trả trước cho người bán**

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán là khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Số dư của các khoản dự phòng tăng hay giảm được ghi nhận như chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 09 - DN****3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình****(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

|                          |             |
|--------------------------|-------------|
| ■ nhà cửa                | 10 – 30 năm |
| ■ máy móc và thiết bị    | 6 – 20 năm  |
| ■ phương tiện vận chuyển | 6 năm       |
| ■ thiết bị văn phòng     | 3 – 5 năm   |
| ■ khác                   | 1 – 30 năm  |

**(h) Tài sản cố định vô hình****(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**Mẫu B 09 - DN****(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ và chi phí đổi mới và cải tạo được thể hiện theo nguyên giá ban đầu và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(i) Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

**(ii) Dự phòng chi phí bảo trì**

Dự phòng phí bảo trì liên quan đến các công việc bảo trì ước tính có thể thực hiện trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Việc ước tính được dựa trên kinh nghiệm, sự kiện và các ước tính tốt nhất từ Ban Giám đốc. Một điều chắc chắn rằng các thông tin và tình hình tài chính nêu trên có thể sẽ thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể tốt hơn hoặc xấu hơn so với các đánh giá đã được dùng để trình bày trong báo cáo tài chính định kỳ.

**(m) Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được dựa theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 09 - DN****3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**(n) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

- Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
    - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
    - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
    - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
  - Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

**Mẫu B 09 - DN**

- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được phản ánh là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 09 - DN****3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu****(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Điện**

Doanh thu được ghi nhận theo phương pháp doanh thu đã xuất hóa đơn trong đó doanh thu chỉ bao gồm phần tiền đã xuất hóa đơn cho khách hàng được tính dựa trên tổng khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**Mẫu B 09 - DN****(s) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(u) Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết.

**4. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|   | VNĐ                    |                       |
|---|------------------------|-----------------------|
|   | 31/12/2012             | 31/12/2011            |
| Tiền mặt  | 400.448.204            | 1.633.626.029         |
| Tiền gửi ngân hàng  | 110.269.449.087        | 67.092.283.872        |
| Các khoản tương đương tiền  | -                      | 20.000.000.000        |
| Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ | <b>110.669.897.291</b> | <b>88.725.909.901</b> |

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

|  | VNĐ            |                 |
|--|----------------|-----------------|
|  | 31/12/2012     | 31/12/2011      |
| Phải thu từ các cổ đông                |                |                 |
| Thương mại                             | 42.132.639.800 | -               |
| Phải thu từ các công ty liên quan khác |                |                 |
| Phi thương mại                         | 3.848.954.161  | 103.004.541.665 |



**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 09 - DN****6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN** (tiếp theo)

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo yêu cầu.

Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan khác có đảm bảo, chịu lãi suất từ 15% - 18% (2011: 10% - 18%) năm và phải thu theo yêu cầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 160.486 triệu VND và 10.000.000 USD (31/12/2011: 180.446 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay cấp cho Công ty (Thuyết minh 14).

Bao gồm trong trả trước cho người bán có 418.517.643.528 VND và các khoản phải thu dài hạn khác là khoản ứng trước cho nông dân trồng mía, chi tiết như sau:

|   | VND                    |                        |
|---|------------------------|------------------------|
|   | 31/12/2012             | 31/12/2011             |
| Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía | 301.317.238.306        | 172.426.979.535        |
| Ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía  | 54.686.136.164         | 60.589.093.860         |
|   | <b>356.003.374.470</b> | <b>233.016.073.395</b> |

Trong năm 2012, Công ty đã cần trừ tổng cộng 265.547.681.575 VND (2011: 115.814.112.602 VND) ứng trước cho nông dân trồng mía với nguyên liệu mua từ nông dân.

Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất dao động từ 8% đến 13,5% năm (2011: 8% đến 13,5%). Khoản ứng trước này được thu hồi trong vòng 4 năm kể từ ngày của từng đợt giải ngân.

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

**Mẫu B 09 - DN**

|  | VND                   |                        |
|--|-----------------------|------------------------|
|  | 31/12/2012            | 31/12/2011             |
| Lãi phải thu từ các khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa ("BAC"), một công ty liên kết | 3.848.954.161         | 50.754.541.665         |
| Phải thu từ Công ty Cổ phần Thành Thành Công, một cổ đông, liên quan đến bán cổ phiếu của BAC      | -                     | 52.250.000.000         |
| Lãi phải thu từ nông dân trồng mía   | 43.377.407.139        | 43.703.159.149         |
| Phải thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ   | 20.300.000.000        | -                      |
| Phải thu từ bảo hiểm nhân thọ  | 848.473.700           | 725.533.000            |
| Phải thu khác  | 1.620.402.367         | 607.130.006            |
|  | <b>69.995.237.367</b> | <b>148.040.363.820</b> |

**7. HÀNG TỒN KHO**

|                                     | VND                    |                        |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
|                                     | 31/12/2012             | 31/12/2011             |
| Nguyên vật liệu                     | 62.041.234.378         | 57.968.034.089         |
| Công cụ và dụng cụ                  | 64.102.810             | 367.967.223            |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 43.771.079.175         | 25.434.395.776         |
| Thành phẩm                          | 207.870.694.011        | 196.814.681.831        |
| Hàng hóa                            | 9.996.507.532          | -                      |
| Hàng gửi đi bán                     | 15.887.227.000         | -                      |
|                                     | <b>339.630.844.906</b> | <b>280.585.078.919</b> |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho      | (242.556.887)          | (242.556.887)          |
|                                     | <b>339.388.288.019</b> | <b>280.342.522.032</b> |

Không có biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ 60.514 triệu VND (31/12/2011: 562 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 14).

## Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

| Mẫu B 09 - DN<br>VNĐ                      | VNĐ                      |                   |                     |                          |                      |                   |  |
|---|--------------------------|-------------------|---------------------|--------------------------|----------------------|-------------------|--|
|   | Nhà cửa và vật kiến trúc | Máy móc thiết bị  | Phương tiện vận tải | Trang thiết bị văn phòng | Tài sản cố định khác | Tổng cộng         |  |
| <b>Nguyên giá</b>                         |                          |                   |                     |                          |                      |                   |  |
| Số dư đầu năm                             | 275.022.523.147          | 1.209.729.966.697 | 15.623.042.989      | 7.829.156.931            | 58.823.846.147       | 1.567.028.535.911 |  |
| Tăng trong năm                            | 50.727.273               | 2.690.784.175     | 7.191.423.818       | 466.341.209              | 19.950.002           | 10.419.226.477    |  |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 4.260.582.335            | 31.814.477.280    | 5.871.250.000       | -                        | -                    | 41.946.309.615    |  |
| Thanh lý                                  | -                        | (1.689.271.754)   | (4.499.233.345)     | -                        | -                    | (6.188.505.099)   |  |
| Số dư cuối năm                            | 279.333.832.755          | 1.242.545.956.398 | 24.186.483.462      | 8.295.498.140            | 58.843.796.149       | 1.613.205.566.904 |  |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>             |                          |                   |                     |                          |                      |                   |  |
| Số dư đầu năm                             | 126.300.153.826          | 798.596.163.799   | 8.994.668.148       | 6.998.000.520            | 53.443.494.873       | 994.332.481.166   |  |
| Khấu hao trong năm                        | 10.021.998.404           | 63.790.672.125    | 2.693.042.636       | 393.736.136              | 2.925.908.159        | 79.825.357.460    |  |
| Thanh lý                                  | -                        | (781.631.382)     | (214.088.808)       | -                        | -                    | (995.720.190)     |  |
| Số dư cuối năm                            | 136.322.152.230          | 861.605.204.542   | 11.473.621.976      | 7.391.736.656            | 56.369.403.032       | 1.073.162.118.436 |  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                    |                          |                   |                     |                          |                      |                   |  |
| Số dư đầu năm                             | 148.722.369.321          | 411.133.802.898   | 6.628.374.841       | 831.156.411              | 5.380.351.274        | 572.696.054.745   |  |
| Số dư cuối năm                            | 143.011.680.525          | 380.940.751.856   | 12.712.861.486      | 903.761.484              | 2.474.393.117        | 540.043.448.468   |  |

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 163.328 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 160.189 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 243.431 triệu VND (31/12/2011: 313.330 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty

### Báo cáo tài chính

Thông tin chung  
Báo cáo của Ban Điều Hành  
Báo cáo kiểm toán độc lập  
Bảng cân đối kế toán  
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

| Mẫu B 09 - DN<br>VNĐ                      | VNĐ               |                      |                |
|---|-------------------|----------------------|----------------|
|   | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy vi tính | Tổng cộng      |
| <b>Nguyên giá</b>                         |                   |                      |                |
| Số dư đầu năm                             | 47.483.754.819    | 2.978.329.200        | 50.462.084.019 |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang | -                 | 749.962.000          | 749.962.000    |
| Số dư cuối năm                            | 47.483.754.819    | 3.728.291.200        | 51.212.046.019 |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>             |                   |                      |                |
| Số dư đầu năm                             | 4.555.200.148     | 2.536.196.285        | 7.091.396.433  |
| Khấu hao trong năm                        | 1.047.782.277     | 406.917.773          | 1.454.700.050  |
| Số dư cuối năm                            | 5.602.982.425     | 2.943.114.058        | 8.546.096.483  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                    |                   |                      |                |
| Số dư đầu năm                             | 42.928.554.671    | 442.132.915          | 43.370.687.586 |
| Số dư cuối năm                            | 41.880.772.394    | 785.177.142          | 42.665.949.536 |

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 4.155 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 2.713 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 41.881 triệu VND (31/12/2011: 42.929 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG****Mẫu B 09 - DN**

VNĐ

|                                       | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm                         | 36.829.486.105        | 17.734.245.747        |
| Tăng trong năm                        | 80.616.336.704        | 46.393.063.217        |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình  | (41.946.309.615)      | (27.297.822.859)      |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình   | (749.962.000)         | -                     |
| Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | (11.878.563.094)      | -                     |
| <b>Số dư cuối năm</b>                 | <b>62.870.988.100</b> | <b>36.829.486.105</b> |

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính bao gồm:

VNĐ

|                               | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nâng cấp dây chuyền sản xuất  | 47.333.614.684        | 29.561.888.744        |
| Dự án Espace Bourbon Tay Ninh | 12.917.142.603        | 5.904.830.663         |
| Khác                          | 2.620.230.813         | 1.362.766.698         |
| <b>Số dư cuối năm</b>         | <b>62.870.988.100</b> | <b>36.829.486.105</b> |

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 1.204 triệu VND (2011: không).

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

(a) Đầu tư dài hạn

**Mẫu B 09 - DN**

VNĐ

**31/12/2011****31/12/2012**

|  | Số lượng   | % vốn sở hữu | % quyền biểu quyết | VND                    | Số lượng   | % vốn sở hữu | % quyền biểu quyết | VND                    |
|--|------------|--------------|--------------------|------------------------|------------|--------------|--------------------|------------------------|
| Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết: |            |              |                    |                        |            |              |                    |                        |
| Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (i)       | 24.500.000 | 49,00%       | 49,00%             | 245.000.000.000        | 24.500.000 | 49,00%       | 49,00%             | 245.000.000.000        |
| Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (ii)      | 6.815.148  | 22,72%       | 22,72%             | 129.530.737.123        | 6.815.148  | 22,72%       | 22,72%             | 129.530.737.123        |
| Công ty Cổ phần Đường La Ngà (iii)       | 2.040.802  | 24,89%       | 24,89%             | 61.224.060.000         | -          | -            | -                  | -                      |
| <b>Đầu tư dài hạn khác:</b>              |            |              |                    | <b>435.754.797.123</b> |            |              |                    | <b>374.530.737.123</b> |
| Khoản vay cấp cho một công ty liên kết,  |            |              |                    |                        |            |              |                    |                        |
| Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (iv)      | -          | -            | -                  | -                      | -          | -            | -                  | 100.000.000.000        |
| Đầu tư vào chứng khoán (v)               |            |              |                    | 93.772.155.000         |            |              |                    | 136.945.094.309        |
| Đầu tư dài hạn khác                      |            |              |                    | 1.115.778.904          |            |              |                    | 1.163.928.724          |
| <b>Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</b>  |            |              |                    | <b>94.887.933.904</b>  |            |              |                    | <b>238.109.023.033</b> |
|  |            |              |                    | (31.060.596.643)       |            |              |                    | 720.391.686.663        |
|  |            |              |                    | 499.582.134.384        |            |              |                    | (36.339.400.956)       |
|  |            |              |                    |                        |            |              |                    | 576.300.359.200        |

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
Báo cáo kiểm toán độc lập  
Bảng cân đối kế toán  
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ** (tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN****(b) Đầu tư ngắn hạn**

|   | VNĐ                    |                                    |
|---|------------------------|------------------------------------|
|   | 31/12/2012             | 31/12/2011<br>(được phân loại lại) |
| Khoản vay cấp cho một công ty liên kết, Công ty Cổ phần Bourbon |                        |                                    |
| An Hòa (iv)   | 297.983.547.843        | 90.000.000.000                     |
| Đầu tư ngắn hạn khác  | -                      | 358.494.207                        |
|   | 297.983.547.843        | 90.358.494.207                     |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn                               | (95.524.943.609)       | -                                  |
| <b>Số dư cuối năm</b>   | <b>202.458.604.234</b> | <b>90.358.494.207</b>              |

(i) Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (“Bourbon An Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của Bourbon An Hòa đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.

(ii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Đường Biên Hòa”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001. Trụ sở chính của Đường Biên Hòa đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường; trồng mía đường; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón; vật tư ngành nông nghiệp; và tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất, mua bán cồn; kinh doanh bất động sản; dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.

(iii) Trong năm, Công ty mua 2.040.802 cổ phiếu (24,89%) của Công ty Cổ phần Mía Đường La Ngà (“Đường La Ngà”). Đường La Ngà được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 4703000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 3 năm 2000. Trụ sở chính của Đường La Ngà đặt tại Km 35, Cao tốc 20, Xã La Ngà, Huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất

**Mẫu B 09 - DN**

đường, bánh kẹo, cồn, rượu, chế biến các sản phẩm sau đường, đồ uống có cồn và không có cồn, đồ uống lạnh, chế biến các sản phẩm nông nghiệp và lâm nghiệp, sản xuất phân bón hữu cơ tổng hợp, chế biến thức ăn gia súc, trồng trọt và chăn nuôi gia súc, xây dựng các công trình công cộng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi, sản xuất và cung cấp giống cây, sản xuất nước sạch, điện, sản xuất và kinh doanh đồ trang trí nội thất và đồ gỗ, sửa chữa, sản xuất, sửa chữa và mua bán các sản phẩm cơ khí, mua bán vật liệu xây dựng ngành nông nghiệp và công nghiệp.

(iv) Các khoản vay này thể hiện khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa, một công ty liên kết, không được bảo đảm và chịu lãi suất dao động từ 15% - 18,5% một năm (2011: 10% - 18,5% năm). Trong năm, lãi lũy kế tương đương 93.483.547.843 VND (2011: không) được chuyển sang khoản vay gốc.

(v) Đầu tư vào chứng khoán bao gồm:

|                                | 2012             |                       | 2011              |                        |
|--------------------------------|------------------|-----------------------|-------------------|------------------------|
|                                | Số cổ phiếu      | VNĐ                   | Số cổ phiếu       | VNĐ                    |
| Công ty Cổ phần Mía đường-     |                  |                       |                   |                        |
| Nhiệt điện Gia Lai             | 2.500.000        | 48.823.125.000        | -                 | -                      |
| Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa | 2.996.602        | 44.949.030.000        | -                 | -                      |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn         |                  |                       |                   |                        |
| Thương tín (Thuyết minh 28)    | -                | -                     | 7.500.000         | 106.794.285.834        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc  |                  |                       |                   |                        |
| Sài Gòn Thương tín             |                  |                       |                   |                        |
| (Thuyết minh 28)               | -                | -                     | 4.000.000         | 30.150.808.475         |
| <b>Số dư cuối năm</b>          | <b>5.496.602</b> | <b>93.772.155.000</b> | <b>11.500.000</b> | <b>136.945.094.309</b> |

Biến động đầu tư trong năm như sau:

|                       | Ngắn hạn          |                                  | Dài hạn           |                                  |
|-----------------------|-------------------|----------------------------------|-------------------|----------------------------------|
|                       | 2012 VNĐ          | 2011 VNĐ<br>(được phân loại lại) | 2012 VNĐ          | 2011 VNĐ<br>(được phân loại lại) |
| Số dư đầu năm         | 90.358.494.207    | 94.010.494.207                   | 612.639.760.156   | 349.800.000.000                  |
| Tăng trong năm        | 295.983.547.843   | 5.000.000.000                    | 154.996.215.000   | 267.639.760.156                  |
| Chuyển đầu tư dài hạn |                   |                                  |                   |                                  |
| sang đầu tư ngắn hạn  | 100.000.000.000   | -                                | (100.000.000.000) | -                                |
| Thanh lý              | -                 |                                  | (136.945.094.309) | (4.800.000.000)                  |
| Giảm trong năm        | (188.358.494.207) | (8.652.000.000)                  | (48.149.820)      | -                                |
|                       | 297.983.547.843   | 90.358.494.207                   | 530.642.731.027   | 612.639.760.156                  |

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ** (tiếp theo)**Mẫu B 09 - DN**

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư như sau:

|                   | Ngắn hạn       |                                  | Dài hạn         |                                  |
|-------------------|----------------|----------------------------------|-----------------|----------------------------------|
|                   | 2012 VND       | 2011 VND<br>(được phân loại lại) | 2012 VND        | 2011 VND<br>(được phân loại lại) |
| Số dư đầu năm     | -              | -                                | 36.339.400.956  | 3.971.763.284                    |
| Tăng trong năm    | 95.524.943.609 | -                                | 1.672.004.162   | 32.539.850.342                   |
| Sử dụng trong năm | -              | -                                | (6.950.808.475) | (172.212.670)                    |
| Số dư cuối năm    | 95.524.943.609 | -                                | 31.060.596.643  | 36.339.400.956                   |

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

VND

|   | 31/12/2012      | 31/12/2011      |
|---|-----------------|-----------------|
| Tăng trong năm                            | 3.808.919.168   | 2.063.833.803   |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 11.878.563.094  | -               |
| Phân bổ trong năm                         | (7.843.741.131) | (2.063.833.803) |
| Số dư cuối năm                            | 7.843.741.131   | -               |

**13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí phải trả.

**14. VAY NGẮN HẠN**

VND

|  | 31/12/2012      | 31/12/2011      |
|--|-----------------|-----------------|
| Vay ngắn hạn                             | 691.332.892.670 | 324.971.693.686 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20) | 22.845.246.300  | 2.831.342.000   |
|  | 714.178.138.970 | 327.803.035.686 |

**Mẫu B 09 - DN**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

**Vay ngắn hạn:**

|   | Tiền tệ | Lãi suất năm | 31/12/2011<br>VND | 31/12/2011<br>VND |
|---|---------|--------------|-------------------|-------------------|
| • Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)    | VND     | 8% - 16,5%   | 197.840.478.236   | 24.000.000.000    |
| • Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (i)    | USD     | 3,64% - 4,3% | 92.588.350.000    | -                 |
| • Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii) | VND     | 9,5% - 16,5% | 196.832.871.434   | 50.000.000.000    |
| • Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (iii)   | VND     | 8,3% - 15,2% | 115.250.000.000   | 1.563.705.924     |
| • Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iv)  | VND     | 9,5% - 17,5% | 88.821.193.000    | 111.977.987.762   |
| • Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín         | VND     |              | -                 | 75.000.000.000    |
| • Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam    | VND     |              | -                 | 57.430.000.000    |
| • Ngân hàng TMCP Quân đội                   | VND     |              | -                 | 5.000.000.000     |
|   |         |              | 691.332.892.670   | 324.971.693.686   |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 14 triệu USD (31/12/2011: 8 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất của dự án Espace Bourbon Tây Ninh với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 33.741 triệu VND và các khoản phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 82.700 triệu VND và 10 triệu USD (31/12/2011: quyền sử dụng đất của dự án Espace Bourbon Tây Ninh: 34.470 triệu VND và các khoản phải thu: 180.446 triệu VND).
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200.000 triệu VND (31/12/2011: 150.000 triệu VND). Khoản vay này được bảo đảm bằng nhà cửa và quyền sử dụng đất tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 143.012 triệu VND và 8.140 triệu VND (31/12/2011: nhà cửa 124.888 triệu VND và quyền sử dụng đất 8.459 VND).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10 triệu USD (31/12/2011: 3 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 77.786 triệu VND và 60.514 triệu VND (31/12/2011: khoản phải thu 872 triệu VND và 562 triệu VND).
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 400.000 triệu VND (31/12/2011: 247.500 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 100.419 triệu VND (31/12/2011: 124.888 triệu VND).

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 09 - DN****15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

|  | VNĐ            |                |
|--|----------------|----------------|
|  | 31/12/2012     | 31/12/2011     |
| Tạm ứng từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*)                       | 29.374.700.000 | 23.344.200.000 |
| Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Thành Thành Công để mua mật đường - cổ đông | -              | 951.702.400    |
| Người mua trả tiền trước   | 377.923.024    | 4.707.686.845  |
|  | 29.752.623.024 | 29.003.589.245 |

(\*) Đây là khoản tạm ứng tiền mặt theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Theo hợp đồng này, Công ty đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng trong Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại 217-219 Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Hợp đồng này dự kiến hoàn tất vào năm 2013.

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

|                            | VNĐ           |                |
|----------------------------|---------------|----------------|
|                            | 31/12/2012    | 31/12/2011     |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | -             | 8.037.873.582  |
| Thuế giá trị gia tăng      | 4.980.685.467 | 10.026.299.830 |
| Thuế thu nhập cá nhân      | -             | 205.549.822    |
|                            | 4.980.685.467 | 18.269.723.234 |

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

|                            | VNĐ            |                |
|----------------------------|----------------|----------------|
|                            | 31/12/2012     | 31/12/2011     |
| Chi phí mua mía phải trả   | 52.035.661.600 | 26.986.689.250 |
| Phí vận chuyển và bốc dỡ   | 3.228.683.000  | 1.941.409.660  |
| Chi phí lãi vay            | 2.430.989.432  | 5.074.428.004  |
| Phép năm chưa được chi trả | 1.197.102.280  | 1.227.157.930  |
| Chi phí khác               | 1.158.708.615  | 1.307.803.801  |
|                            | 60.051.144.927 | 36.537.488.645 |

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

|   | VNĐ            |                |
|---|----------------|----------------|
|   | 31/12/2012     | 31/12/2011     |
| Thu hoạch, đặt cọc vận chuyển và phải trả cho nông dân trồng mía tại Tây Ninh | 16.528.681.190 | 16.795.279.245 |
| Phải trả cho Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh                              | 1.200.000.000  | 1.200.000.000  |
| Cổ tức phải trả   | 757.828.110    | 467.539.710    |
| Khác  | 688.305.236    | 725.944.081    |
|   | 19.174.814.536 | 19.188.763.036 |

**19. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI**

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

|                                       | VNĐ              |                  |
|---------------------------------------|------------------|------------------|
|                                       | 31/12/2012       | 31/12/2011       |
| Số dư đầu năm                         | 1.459.224.234    | 552.841.239      |
| Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối | 38.314.816.410   | 29.109.818.815   |
| Sử dụng quỹ                           | (29.334.186.634) | (28.203.435.820) |
| Số dư cuối năm                        | 10.439.854.010   | 1.459.224.234    |

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

## Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 09 - DN**
**20. VAY DÀI HẠN**

|   | VNĐ              |                                    |
|---|------------------|------------------------------------|
|   | 31/12/2012       | 31/12/2011<br>(được phân loại lại) |
| Vay dài hạn                                   | 72.011.359.776   | 20.728.905.000                     |
| Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14) | (22.845.246.300) | (2.831.342.000)                    |
|   | 49.166.113.476   | 17.897.563.000                     |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

|   | Tiền tệ | Lãi suất | Năm đáo hạn | 31/12/2011<br>VNĐ | 31/12/2011<br>VNĐ |
|---|---------|----------|-------------|-------------------|-------------------|
| <b>Vay dài hạn không được đảm bảo</b>   |         |          |             |                   |                   |
| Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh (i) | VND     | 4,62%    | 2013-2020   | 17.897.563.000    | 20.283.905.000    |
| <b>Vay dài hạn được đảm bảo</b>         |         |          |             |                   |                   |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam—    |         |          |             |                   |                   |
| Chi nhánh Tây Ninh (ii)                 | VND     | 14%      | 2013-2015   | 49.902.796.776    | -                 |
| Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh (iii)    | VND     | 11,4%    | 2013-2016   | 4.211.000.000     | -                 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín       | VND     |          |             | -                 | 445.000.000       |
|   |         |          |             | 72.011.359.776    | 20.728.905.000    |

(i) Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36.000 triệu VND (31/12/2011: 36.000 triệu VND). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được hoàn trả trong 15 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ 1.193 triệu VND và kỳ cuối cùng là vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.

(ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 77.500 triệu VND (31/12/2011: không). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được hoàn trả mỗi kỳ sáu tháng và kỳ cuối cùng vào tháng 12 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 100.419 triệu VND (31/12/2011: không).

(iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 5.000 triệu VND (31/12/2011: 0 triệu VND). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được hoàn trả trong 15 quý, mỗi quý trả 263 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 266 triệu VND vào tháng 12 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bởi Thư tín dụng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh Tây Ninh với giá trị ghi sổ là 2.500 triệu VND.

**Mẫu B 09 - DN**
**21. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC**

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

|                              | VNĐ             |               |
|------------------------------|-----------------|---------------|
|                              | 31/12/2012      | 31/12/2011    |
| Số dư đầu năm                | 6.164.710.000   | 6.011.137.500 |
| Dự phòng lập trong năm       | 587.555.250     | 155.072.500   |
| Dự phòng sử dụng trong năm   | (408.455.000)   | (1.500.000)   |
| Hoàn nhập dự phòng trong năm | (6.343.810.250) | -             |
| Số dư cuối năm               | -               | 6.164.710.000 |

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đóng 433 triệu VND (31/12/2011: 393 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**22. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU****Mẫu B 09 - DN**

|  | <b>VNĐ</b>        |                      |                   |                       |                        |                          |                   |
|--|-------------------|----------------------|-------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|-------------------|
|  | Vốn cổ phần       | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ      | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng              |
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>   | 1.419.258.000.000 | -                    | (5.540.477.288)   | 4.936.442.297         | 24.143.137.255         | 346.805.553.696          | 1.789.602.655.960 |
| Mua cổ phiếu quỹ                           | -                 | -                    | (133.854.735.607) | -                     | -                      | -                        | (133.854.735.607) |
| Lợi nhuận thuần trong năm                  | -                 | -                    | -                 | -                     | -                      | 553.180.184.495          | 553.180.184.495   |
| Phân bổ vào quỹ                            | -                 | -                    | -                 | -                     | 17.261.605.000         | (46.371.423.815)         | (29.109.818.815)  |
| Cổ tức (Thuyết minh 24)                    | -                 | -                    | -                 | -                     | -                      | (385.506.524.000)        | (385.506.524.000) |
| Sử dụng quỹ                                | -                 | -                    | -                 | (150.000.000)         | -                      | -                        | (150.000.000)     |
| <b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>   | 1.419.258.000.000 | -                    | (139.395.212.895) | 4.786.442.297         | 41.404.742.255         | 468.107.790.376          | 1.794.161.762.033 |
| Mua cổ phiếu quỹ                           | -                 | -                    | (33.231.840.138)  | -                     | -                      | -                        | (33.231.840.138)  |
| Phát hành lại cổ phiếu quỹ                 | -                 | 7.594.294.697        | 43.155.705.303    | -                     | -                      | -                        | 50.750.000.000    |
| Lợi nhuận thuần trong năm                  | -                 | -                    | -                 | -                     | -                      | 370.133.450.809          | 370.133.450.809   |
| Phân bổ vào quỹ                            | -                 | -                    | -                 | 55.298.656.855        | 27.649.328.427         | (121.262.801.692)        | (38.314.816.410)  |
| Cổ tức (Thuyết minh 24)                    | -                 | -                    | -                 | -                     | -                      | (447.740.300.000)        | (447.740.300.000) |
| <b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b> | 1.419.258.000.000 | 7.594.294.697        | (129.471.347.730) | 60.085.099.152        | 69.054.070.682         | 269.238.139.493          | 1.695.758.256.294 |



**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 09 - DN****23. VỐN CỔ PHẦN**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

|  | 31/12/2012   |                   | 31/12/2011   |                   |
|--|--------------|-------------------|--------------|-------------------|
|  | Số cổ phiếu  | VNĐ               | Số cổ phiếu  | VNĐ               |
| <b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành – mệnh giá</b> |              |                   |              |                   |
| Cổ phiếu phổ thông                                       | 141.925.800  | 1.419.258.000.000 | 141.925.800  | 1.419.258.000.000 |
| <b>Cổ phiếu quỹ – mệnh giá</b>                           |              |                   |              |                   |
| Cổ phiếu phổ thông                                       | (10.500.000) | (105.000.000.000) | (11.344.100) | (113.441.000.000) |
| <b>Số cổ phiếu đang lưu hành – mệnh giá</b>              |              |                   |              |                   |
| Cổ phiếu phổ thông                                       | 131.425.800  | 1.314.258.000.000 | 130.581.700  | 1.305.817.000.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

|                                | 2012        |                   | 2011         |                   |
|--------------------------------|-------------|-------------------|--------------|-------------------|
|                                | Số cổ phiếu | VNĐ               | Số cổ phiếu  | VNĐ               |
| Số dư đầu năm                  | 130.581.700 | 1.305.817.000.000 | 141.252.330  | 1.412.523.300.000 |
| Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm | (2.655.900) | (26.559.000.000)  | (10.670.630) | (106.706.300.000) |
| Phát hành lại cổ phiếu         |             |                   |              | -                 |
| quỹ trong năm                  | 3.500.000   | 35.000.000.000    | -            | -                 |
| Số dư cuối năm                 | 131.425.800 | 1.314.258.000.000 | 130.581.700  | 1.305.817.000.000 |

**Mẫu B 09 - DN**

Biến động cổ phiếu quỹ trong năm như sau:

|                                      | 31/12/2012       | 31/12/2011      |
|--------------------------------------|------------------|-----------------|
|                                      | VNĐ              | VNĐ             |
| Số dư đầu năm                        | 139.395.212.895  | 5.540.477.288   |
| Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm       | 33.231.840.138   | 133.854.735.607 |
| Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong năm | (43.155.705.303) | -               |
| Số dư cuối năm                       | 129.471.347.730  | 139.395.212.895 |

Trong năm, Công ty đã quyết định mua 2.655.900 cổ phiếu quỹ từ các cổ đông với giá dao động từ 12.004 VNĐ đến 13.956 VNĐ và phát hành lại 3.500.000 cổ phiếu quỹ với giá 14.500 VNĐ. Cổ phiếu quỹ được mua lại vào tháng 1 và tháng 2 năm 2012 và phát hành lại vào tháng 12 năm 2012.

**24. CỔ TỨC**

Cuộc họp Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 9 tháng 4 năm 2012 đã quyết định phân phối cổ tức bằng tiền tương đương 255.851 triệu VNĐ (2.000 VNĐ trên một cổ phiếu) từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2011. Và cuộc họp của Hội đồng Quản trị ngày 26 tháng 10 năm 2012 đã quyết định phân phối cổ tức bằng tiền tương đương 191.889 triệu VNĐ tương đương 1.500 VNĐ trên một cổ phiếu cho giai đoạn đầu tiên trong năm 2012 (2011: cổ tức bằng tiền tương đương 385.506 triệu VNĐ từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2010).

**25. QUỸ THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU****(i) Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(ii) Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được lập nhằm giúp các rủi ro hoạt động kinh doanh trong tương lai.

**26. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 09 - DN**

| Doanh thu thuần bao gồm             | VNĐ               |                   |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
|                                     | 31/12/2012        | 31/12/2011        |
| Tổng doanh thu                      |                   |                   |
| Bán đường                           | 1.708.602.729.126 | 1.840.605.755.451 |
| Bán mặt đường                       | 76.114.651.622    | 137.159.671.517   |
| Bán điện                            | 43.979.441.100    | 41.473.764.030    |
| Bán phân bón                        | 100.485.008.141   | -                 |
| Khác                                | 33.570.089.414    | 33.744.261.902    |
|                                     | 1.962.751.919.403 | 2.052.983.452.900 |
| Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu |                   |                   |
| Giảm giá hàng bán                   | (1.923.036.716)   | (2.677.734.927)   |
| Doanh thu thuần                     | 1.960.828.882.687 | 2.050.305.717.973 |

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|                   | VNĐ               |                   |
|-------------------|-------------------|-------------------|
|                   | 31/12/2012        | 31/12/2011        |
| Giá vốn đường     | 1.365.479.758.664 | 1.253.779.214.818 |
| Giá vốn mặt đường | 75.219.700.69     | 137.561.649.258   |
| Giá vốn điện      | 38.389.857.364    | 39.233.208.712    |
| Giá vốn phân bón  | 97.422.970.892    | -                 |
| Khác              | 14.301.641.697    | 16.362.747.510    |
|                   | 1.590.813.929.308 | 1.446.936.820.298 |

**Mẫu B 09 - DN****28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|   | VNĐ             |                 |
|---|-----------------|-----------------|
|   | 31/12/2012      | 31/12/2011      |
| Lãi từ khoản ứng trước cho nông dân trồng mía         | 39.645.920.757  | 106.045.910.094 |
| Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng                       | 6.191.995.651   | 3.481.170.443   |
| Lãi từ khoản cho công ty liên quan vay                | 56.386.021.211  | 5.677.290.262   |
| Cổ tức thu từ đầu tư chứng khoán                      | 24.935.208.400  | 11.678.510.239  |
| Lãi từ các khoản đầu tư vào các đơn vị đồng kiểm soát | -               | 1.044.229.261   |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện                    | 494.708.259     | 868.564.790     |
| Lãi từ bán các khoản đầu tư chứng khoán (*)           | 185.554.905.691 | -               |
| Khác  | -               | 120.000.000     |
|   | 313.208.759.969 | 128.915.675.089 |

Vào ngày 16 tháng 4 năm 2012, theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 4 năm 2012, Công ty ký hợp đồng với một bên liên quan ("Người được Ủy quyền") để bán 7.500.000 cổ phiếu của Sacombank ("STB") với giá ủy thác không thấp hơn giá thị trường trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày giao dịch. Trong tháng 5 năm 2012, Người được Ủy quyền, thay mặt Công ty, đã bán số cổ phiếu này với giá thương lượng cao hơn giá niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Theo hợp đồng, Công ty ghi nhận lãi ban đầu của giao dịch này là 80,705,714,166 VND theo tham chiếu với giá thị trường tại ngày giao dịch là 25.000 VND/cổ phiếu. Người được Ủy quyền nhận được tiền hoa hồng là mức chênh lệch so với giá thị trường 25.000 VND/cổ phiếu tại ngày giao dịch. Tuy nhiên, do tình hình hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty gặp khó khăn nên theo thỏa thuận với Công ty ngày 17 tháng 12 năm 2012, người được Ủy quyền tự nguyện trả lại tiền hoa hồng nhận được từ giao dịch này là 75.000.000.000 VND cho Công ty. Do đó, tổng lãi từ bán cổ phiếu STB được ghi nhận trong doanh thu hoạt động tài chính trong năm là 155.705.714.166 VND. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, khoản này đã được thanh toán đủ.

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|  | VNĐ             |                |
|--|-----------------|----------------|
|  | 2012            | 2011           |
| Chi phí lãi vay                              | 75.345.627.183  | 48.666.079.483 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn | 94.750.350.696  | -              |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện            | 463.824.897     | 2.972.278.380  |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư              | -               | 47.494.859.522 |
| Khác   | 1.215.258.263   | 463.202.379    |
|  | 171.775.061.039 | 99.596.419.764 |

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 09 - DN****30. THUẾ THU NHẬP****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

|  | VNĐ            |                 |
|--|----------------|-----------------|
|  | 2012           | 2011            |
| Chi phí thuế hiện hành                         |                |                 |
| Năm hiện hành                                  | 49.859.780.069 | 23.837.185.732  |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước           | 1.520.556.817  | 193.615.948     |
|  | 51.380.336.886 | 24.030.801.680  |
| Chi phí thuế thu nhập hoãn lại                 |                |                 |
| Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời | 757.256.230    | (6.031.009.252) |
| Chi phí thuế thu nhập                          | 52.137.593.116 | 17.999.792.428  |

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

|  | VNĐ             |                  |
|--|-----------------|------------------|
|  | 2012            | 2011             |
| Lợi nhuận trước thuế   | 422.271.043.925 | 570.986.360.975  |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty   | 42.227.104.393  | 57.098.636.098   |
| Ưu đãi thuế  | (7.976.550.650) | (38.375.671.584) |
| Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với hoạt động kinh doanh và các khoản thu nhập khác | 22.456.533.983  | 4.891.795.896    |
| Chi phí không được khấu trừ thuế   | 143.750.673     | 398.954.497      |
| Thu nhập không bị tính thuế  | (6.233.802.100) | (2.919.627.560)  |
| Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận trước đây  | -               | (3.287.910.867)  |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước   | 1.520.556.817   | 193.615.948      |
|  | 52.137.593.116  | 17.999.792.428   |

**Mẫu B 09 - DN**

Theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 21 tháng 6 năm 2012, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm 2012 do hoạt động của Công ty thỏa mãn điều kiện về doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất và chế biến nông sản.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế. Tuy nhiên, các điều khoản trong giấy phép đầu tư của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2004) và giảm 50% thuế thu nhập trong bốn năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

**31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 370.133 triệu VND (31/12/2011: 552.987 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 128.083.124 cổ phiếu (31/12/2011: 137.314.053), được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

|  | VNĐ             |                 |
|--|-----------------|-----------------|
|  | 2012            | 2011            |
| Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông | 370.133.450.809 | 552.986.568.547 |

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

|   | VNĐ         |             |
|---|-------------|-------------|
|   | 2012        | 2011        |
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm                       | 130.581.700 | 141.252.330 |
| Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại trong năm               | (2.531.090) | (3.938.277) |
| Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ phát hành lại trong năm         | 32.514      | -           |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm | 128.083.124 | 137.314.053 |

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 09 - DN****32. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****(a) Quản lý rủi ro tài chính****(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

**(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

|   |             | VNĐ               |                 |
|---|-------------|-------------------|-----------------|
|   | Thuyết minh | 31/12/2012        | 31/12/2011      |
| Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền          | (*)         | 110.269.449.087   | 87.092.283.872  |
| Khoản vay cho các công ty liên quan                       | (**)        | 297.983.547.843   | 90.358.494.207  |
| Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác            | (***)       | 334.027.614.306   | 328.766.521.396 |
| Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía<br>(Thuyết minh 6) | (****)      | 332.961.000.229   | 214.477.910.554 |
|   |             | 1.075.241.611.465 | 720.695.210.029 |

**(\*) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**Mẫu B 09 - DN****(\*\*) Khoản vay cấp cho công ty liên quan**

Ban Giám đốc của Công ty đã xem xét mức độ rủi ro cũng như các biện pháp thu hồi nợ theo từng đối tượng vay. Việc trích lập dự phòng xảy ra khi mà Ban Giám đốc thấy cần thiết và dựa trên các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**(\*\*\*) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu đảm bảo của khách hàng cho mỗi đơn đặt hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, không có khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

|                        | VNĐ             |                 |
|------------------------|-----------------|-----------------|
|                        | 2012            | 2011            |
| Chưa quá hạn           | 257.787.899.165 | 328.486.529.801 |
| Quá hạn từ 0 – 30 ngày | 76.239.715.141  | 279.991.595     |
|                        | 334.027.614.306 | 328.766.521.396 |

**(\*\*\*\*) Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía**

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản ứng trước cho người trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện cấp tín dụng và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Một số nông dân trồng mía được yêu cầu thế chấp giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản Công ty ứng trước. Ngoài ra, người nông dân phải bán tất cả mía của họ cho Công ty và khoản này sẽ được cầm giữ vào khoản ứng trước tương ứng. Khoản ứng trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty. Người nông dân có số dư cho vay quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản cho vay mới.

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 09 - DN****32. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản ứng trước chưa quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản ứng trước như sau:

|                       | VNĐ             |                 |
|-----------------------|-----------------|-----------------|
|                       | 31/12/2012      | 31/12/2011      |
| Chưa quá hạn          | 328.284.560.532 | 201.928.894.792 |
| Quá hạn trên 180 ngày | 4.676.439.697   | 12.549.015.762  |
|                       | 332.961.000.229 | 214.477.910.554 |

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

|                | VNĐ            |                              |
|----------------|----------------|------------------------------|
|                | 2012           | 2011<br>(được phân loại lại) |
| Số dư đầu năm  | 18.538.162.841 | 480.225.243                  |
| Tăng trong năm | 4.504.211.400  | 18.258.171.246               |
| Hoàn nhập      | -              | (200.233.648)                |
|                | 23.042.374.241 | 18.538.162.841               |

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện khó khăn về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

**Mẫu B 09 - DN**

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

|                                      | VNĐ              |                |                |               |               |
|--------------------------------------|------------------|----------------|----------------|---------------|---------------|
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012        | Trong vòng 1 năm | 1 - 2 năm      | 2 - 5 năm      | Hơn 5 năm     |               |
| <b>Vay và nợ ngắn hạn</b>            |                  |                |                |               |               |
| Vay ngắn hạn (Thuyết minh 14)        | 713.203.342.136  | -              | -              | -             | -             |
| Phải trả người bán                   | 41.460.174.576   | -              | -              | -             | -             |
| Phải trả người lao động              | 9.431.820.585    | -              | -              | -             | -             |
| Chi phí phải trả                     | 60.051.144.927   | -              | -              | -             | -             |
| Các khoản phải trả khác              | 19.174.814.536   | -              | -              | -             | -             |
| <b>Vay dài hạn</b>                   |                  |                |                |               |               |
| Vay dài hạn (Thuyết minh 20)         | 25.645.576.282   | 27.764.824.901 | 26.363.958.258 | 6.384.952.091 | 6.384.952.091 |
|                                      | 868.966.873.042  | 27.764.824.901 | 26.363.958.258 | 6.384.952.091 | 6.384.952.091 |
| <b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b> |                  |                |                |               |               |
| <b>Vay và nợ ngắn hạn</b>            |                  |                |                |               |               |
| Vay ngắn hạn (Thuyết minh 14)        | 335.025.876.407  | -              | -              | -             | -             |
| Phải trả người bán                   | 55.182.662.872   | -              | -              | -             | -             |
| Phải trả người lao động              | 120.004.713      | -              | -              | -             | -             |
| Chi phí phải trả                     | 36.537.488.645   | -              | -              | -             | -             |
| Các khoản phải trả khác              | 19.188.763.036   | -              | -              | -             | -             |
| <b>Vay dài hạn</b>                   |                  |                |                |               |               |
| Vay dài hạn (Thuyết minh 20)         | 3.777.548.123    | 3.140.781.941  | 8.752.889.393  | 8.938.811.275 | 8.938.811.275 |
|                                      | 449.832.343.796  | 3.140.781.941  | 8.752.889.393  | 8.938.811.275 | 8.938.811.275 |

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

## Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 09 - DN**
**32. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**
**(d). Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i). Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD) và Euro (EUR).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

**Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái trọng yếu do hầu hết các giao dịch đều thực hiện bằng VND, đơn vị tiền tệ chức năng của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

|                                    | USD         | EUR     |
|------------------------------------|-------------|---------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 6.601       | 500     |
| Trả trước cho người bán            | 215.775     | 111.421 |
| Vay ngắn hạn                       | (4.400.000) | -       |
|                                    | (4.177.624) | 111.921 |

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

|       | Tỷ giá tại ngày |            |
|-------|-----------------|------------|
|       | 31/12/2012      | 31/12/2011 |
| 1 USD | 20.815          | 21.030     |
| 1 EUR | 27.371          | 27.282     |

**Mẫu B 09 - DN**

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

**Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần VND**

|                    |           |
|--------------------|-----------|
| USD (yếu đi 1%)    | (782.615) |
| EUR (mạnh thêm 1%) | 27.571    |

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

|  | VND               |                   |
|--|-------------------|-------------------|
|  | Giá trị ghi số    |                   |
|  | 31/12/2012        | 31/12/2011        |
| <b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>   |                   |                   |
| Các khoản tương đương tiền                         | -                 | 20.000.000.000    |
| Đầu tư ngắn hạn                                    | 297.983.547.843   | 90.358.494.207    |
| Vay dài hạn  | (72.011.359.776)  | (20.728.905.000)  |
|  | 225.972.188.067   | 89.629.589.207    |
| <b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b> |                   |                   |
| Tiền gửi ngân hàng                                 | 110.269.449.087   | 67.092.283.872    |
| Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía          | 301.317.238.306   | 172.426.979.535   |
| Ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía           | 54.686.136.164    | 60.589.093.860    |
| Vay ngắn hạn                                       | (691.332.892.670) | (324.971.693.686) |
|  | (225.060.069.113) | (24.863.336.419)  |

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 3.173 triệu VND lợi nhuận thuần của Công ty. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 09 - DN****32. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị hợp lý tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012. Những chính sách sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

*Tiền, khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía, vay ngắn hạn và các khoản phải trả khác:*

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý do những công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn ngắn.

*Vay dài hạn và ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị hợp lý của khoản vay và ứng trước cho nông dân trồng mía được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 xấp xỉ với giá trị ghi sổ được ghi nhận.

*Đầu tư vào vốn chủ sở hữu*

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường không có sẵn cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường không có sẵn. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**33. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các cổ đông như sau:

**Mẫu B 09 - DN****Giá trị giao dịch**

|  | <b>31/12/2012 VNĐ</b> | <b>31/12/2011 VNĐ</b> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>Cổ đông</b>                                     |                       |                       |
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (*)</b> |                       |                       |
| Bán hàng hóa                                       | 60.009.516.860        | 293.503.460.537       |
| Mua đường thô                                      | 213.574.000.000       | 100.000.000.000       |
| Đặt cọc nhận được                                  | -                     | 55.000.000.000        |
| Trả tiền đặt cọc                                   | 52.250.000.000        | -                     |
| Lãi phải thu                                       | 9.870.642.525         | 5.045.899.730         |
| Lãi phải trả                                       | 2.442.568.333         | 3.770.000.000         |
| Cho vay  | 188.000.000.000       | -                     |
| Ứng tiền mua đường và mật đường                    | 134.537.560.000       | 396.439.100.000       |
| Chi phí quản lý                                    | 5.627.000.000         | -                     |
| <b>Các công ty liên quan</b>                       |                       |                       |
| <b>Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa</b>              |                       |                       |
| Lãi cho vay  | 46.577.960.336        | 31.546.969.364        |
| Thu nợ gốc   | -                     | 8.652.000.000         |
| Cho vay  | 107.983.547.843       | 5.000.000.000         |
| <b>Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa</b>              |                       |                       |
| Bán hàng   | 11.942.561.446        | 28.585.423.478        |
| Mua hàng   | 3.188.429.301         | 1.183.506.528         |
| Nhận cổ tức  | 20.445.444.000        | 8.420.000.000         |
| <b>Công ty Cổ phần Đường La Ngà</b>                |                       |                       |
| Nhận cổ tức  | 4.489.764.400         | -                     |
| <b>Công ty TNHH Đặng Thành</b>                     |                       |                       |
| Bán cổ phiếu La Ngà                                | 6.900.000.000         | -                     |
| Bán hàng hóa                                       | -                     | 34.290.249.996        |
| <b>Hội đồng Quản trị</b>                           |                       |                       |
| Tiền lương và thưởng                               | 2.954.676.000         | 1.185.383.408         |

(\*) Trong năm 2012, Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thành Thành Công đã thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công.

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Điều Hành  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 09 - DN****34. CAM KẾT****(a) Chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

|  | VNĐ             |                 |
|--|-----------------|-----------------|
|  | 31/12/2012      | 31/12/2011      |
| Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng | 64.692.932.637  | 82.425.530.394  |
| Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng (*)  | 46.646.303.584  | 58.551.973.875  |
|  | 111.339.236.221 | 140.977.504.269 |

(\*) Trong khoản cam kết vốn đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng bao gồm 45.223 triệu VND cam kết vốn phải trả cho Tập đoàn Toàn Thịnh Phát cho việc xây dựng Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại 217-219 đường 30/4, phường 2, tỉnh Tây Ninh. Công trình xây dựng dự kiến hoàn tất trong năm 2013

**(b) Hợp đồng thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

|                    | VNĐ         |             |
|--------------------|-------------|-------------|
|                    | 31/12/2012  | 31/12/2011  |
| Trong vòng một năm | 293.877.817 | 983.740.006 |

**35. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|  | VNĐ               |                   |
|--|-------------------|-------------------|
|  | 31/12/2012        | 31/12/2011        |
| Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất | 1.402.257.095.037 | 1.213.781.516.219 |
| Chi phí nhân công                                      | 76.383.072.198    | 55.713.759.772    |
| Chi phí khấu hao                                       | 81.280.057.510    | 77.372.853.128    |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                              | 101.504.983.772   | 123.889.285.973   |
| Chi phí khác   | 26.842.856.799    | 39.917.912.261    |

**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Điều Hành  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 09 - DN****36. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các cổ đông như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán**

|   | VNĐ                                   |   |
|---|---------------------------------------|---|
|   | 31/12/2012<br>(được phân<br>loại lại) | 31/12/2011<br>(theo báo cáo<br>trước đây) |
| Các khoản đầu tư ngắn hạn                   | 90.358.494.207                        | 137.329.389.791                           |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn | -                                     | (12.363.877.320)                          |
| Trả trước cho người bán                     | 237.403.931.948                       | 93.512.540.679                            |
| Các khoản phải thu khác                     | 148.040.363.820                       | 238.040.363.820                           |
| Dự phòng phải thu nợ khó đòi                | (18.538.162.841)                      | (279.991.595)                             |
| Phải thu dài hạn khác                       | 60.589.093.860                        | 100.000.000.000                           |
| Đầu tư dài hạn khác                         | 238.109.023.033                       | 222.792.324.644                           |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn  | (36.339.400.956)                      | (42.233.694.882)                          |
| Vay ngắn hạn                                | (327.803.035.686)                     | (327.358.035.686)                         |
| Phải trả người bán                          | (55.182.662.872)                      | (72.356.374.938)                          |
| Vay dài hạn                                 | (17.897.563.000)                      | (18.342.563.000)                          |



**Báo cáo tài chính**

Thông tin chung  
 Báo cáo của Ban Điều Hành  
 Báo cáo kiểm toán độc lập  
 Bảng cân đối kế toán  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**

**Thuyết minh báo cáo tài chính** (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 - DN

**36. SỐ LIỆU SO SÁNH** (tiếp theo)**(b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

|   | VNĐ                                   |   |
|---|---------------------------------------|---|
|   | 31/12/2012<br>(được phân<br>loại lại) | 31/12/2011<br>(theo báo cáo<br>trước đây) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh | 437.739.276.218                       | 435.044.836.307                           |
| Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư     | (279.649.739.420)                     | (276.955.299.509)                         |

Người lập:



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN  
Kế toán trưởng

Ngày 15 tháng 3 năm 2013



Người duyệt:



NGUYỄN BÁ CHỦ  
Tổng Giám đốc



Khai phá tiềm năng - Gia tăng giá trị

**ĐIỂM NỔI BẬT CỦA ĐƯỜNG BOURBON SO VỚI ĐƯỜNG KHÁC**

- Đạt tiêu chuẩn Châu Âu.
- Độ tinh khiết cực cao.
- Không vi khuẩn.
- Làm trắng răng phương pháp vật lý tự nhiên, không hóa chất.